SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Số: 440../BVLVT-KD
V/v yêu cầu báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp Thủ Đức, ngày 18 tháng 7 năm 2023

Kính gửi : Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Lê Văn Thịnh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu "Mua sắm sinh phẩm, hoá chất xét nghiệm năm 2023 – 2024" với nội dung cụ thể như sau.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Lê Văn Thịnh; địa chỉ: 130 Lê Văn Thịnh, phường Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ông Thượng Công Huy; chức vụ: Phó trưởng khoa Dược; Số điện thoại: 0913103310; email: thuongconghuy@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: khoa Dược (phòng E219) – Bệnh viện Lê Văn Thịnh và gửi file PDF và Excel (theo mẫu: Báo giá M1; Báo giá M2) qua địa chỉ email: thuongconghuy@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 08 giờ 00, ngày 19 tháng 7 năm 2023 đến trước 17 giờ 00 ngày 28 tháng 7 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục trang thiết bị y tế ***(file đính kèm)***
2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Lê Văn Thịnh.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: tháng 11/2023
4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán: thanh toán trong vòng 90 ngày, kể từ ngày bên mua nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, KD (Ngọc, 2b).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Trần Văn Khanh

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ
ĐẤU THẦU RỘNG RÃI

(Đính kèm Công văn số 440/BVLVT-KD ngày 18 tháng 7 năm 2023)

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
	LÔ 1: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM KHÍ MÁU				
1	Hóa chất chạy mẫu khí máu	Cung cấp điểm chuẩn cho pH điện giải Hct. Hóa chất đệm cho chạy mẫu	Hộp	4 Bộ/ Hộp (265 test/bộ)	13
2	Hóa chất rửa sử dụng cho máy khí máu	Rửa kim hút và đầu dò, các bộ phận liên quan đến mẫu	Hộp	4 Bộ/ Hộp (180 test/bộ)	13
3	Bình khí Cal/Slope	Cal: Cung cấp điểm chuẩn cho pCO2 và pO2 trong việc hiệu chuẩn 1 điểm và 2 điểm Slope: Cung cấp điểm dốc cho pCO2 và pO2 trong việc hiệu chuẩn 2 điểm	Hộp	2 Bình/ Hộp	5
	LÔ 2: HOÁ CHẤT XÉT NGHỆM KHÍ MÁU THIẾT BỊ CẦM TAY				
4	Thẻ xét nghiệm CG4+	Thông số KHÍ MÁU + LACTA: pH, PCO2, PO2, TCO2, HCO3, BEecf, SO2, Lactate.	Thẻ	25 thẻ / hộp	1,000
5	Thẻ xét nghiệm EG7+	Thông số KHÍ MÁU + CHẤT ĐIỆN GIẢI + HUYẾT HỌC: Na, K, iCa, pH, PCO2, PO2, TCO2, HCO3, Beecf, SO2, Hematocrit (Hct), Hemoglobin (Hgb).ISO, FDA.	Thẻ	25 thẻ / hộp	150
6	Thẻ xét nghiệm G3+	Thông số KHÍ MÁU: pH, PCO2, PO2, TCO2, HCO3, BEecf, SO2.	Thẻ	25 thẻ / hộp	500
	LÔ 3 : HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI ĐỒ				
7	Dung dịch pha loãng Urine solution / tương đương	Dung dịch pha loãng trước khi thử ion đồ nước tiểu.	Hộp	100 ml / hộp	2
8	Thuốc thử Reagent pack / tương đương	Hoá chất dùng để phân tích các thông số: K+, Na+, Cl-, Ca2+	Hộp	1.000ml / hộp	20
9	Điện cực K Filling solution	Dung dịch châm điện cực Kali.	Hộp	15ml / hộp	5
10	Điện cực CA Filling solution	Dung dịch châm điện cực Canxi.	Hộp	15ml / hộp	5
11	Điện cực PH,NA,CL Filling solution	Dung dịch châm điện cực chung pH, Na, Cl.	Hộp	15ml / hộp	5
12	Điện cực Ref Filling solution	Dung dịch châm điện cực tham chiếu Na+, K+, Cl-, Ca2+, pH.	Hộp	15ml / hộp	5

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
13	Dung dịch rửa máy CLEANING SOLUTION	Dung dịch rửa máy.	Hộp	100 ml / hộp	3
14	Dung dịch chuẩn CAL SOLUTION	Dung dịch chuẩn Ion đồ.	Hộp	100 ml / hộp	2
15	Chất kiểm chứng QC solution	Chất kiểm chứng Ion đồ.	Hộp	Hộp: L1:10x2ml L2:10x2ml L3:10x2ml	7
	LÔ 4: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG				
16	Thuốc thử định lượng ALBUMIN	Xét nghiệm nồng độ albumin trong máu	Hộp	Hộp: R1:4x60ml	3
17	Thuốc thử định lượng ALT(GPT)	Xét nghiệm ALT trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 5x60ml; R2: 5x15ml	25
18	Thuốc thử định lượng AMYLASE	Xét nghiệm Amylase trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 5x60ml; R2: 5x15ml	3
19	Thuốc thử định lượng ASO (with Calib) có kèm chất chuẩn	Xét nghiệm ASO trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 2x40ml; R2: 2x10ml Cal: 1x1ml	5
20	Thuốc thử định lượng AST(GOT)	Xét nghiệm AST trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 5x60ml; R2: 5x15ml	25
21	Thuốc thử định lượng Bilirubin Direct	Xét nghiệm Bilirubin trực tiếp trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 4x40ml; R2: 4x10ml	5
22	Thuốc thử định lượng Bilirubin Total	Xét nghiệm Bilirubin toàn phần trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 4x40ml; R2: 4x10ml	5
23	Thuốc thử định lượng BUN (Urea)	Xét nghiệm Urea trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 5x60ml; R2: 5x15ml	20
24	Thuốc thử định lượng CHOLESTEROL	Xét nghiệm Cholesterol trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 5x60ml; R2: 5x15ml	25
25	Thuốc thử định lượng Creatinine	Xét nghiệm Creatine trong máu và nước tiểu	Hộp	Hộp: R1: 4x60ml; R2: 4x20ml	30
26	Thuốc thử định lượng CRP có kèm chất chuẩn	Hoá chất xét nghiệm CRP trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 2x40ml; R2: 2x10ml Cal: 1x1ml	15
27	Thuốc thử định lượng GGT	Xét nghiệm định lượng γ-GT trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 5x60ml; R2: 5x15ml	15
28	Thuốc thử định lượng GLUCOSE Hexokinase	Hoá chất xét nghiệm Glucose trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 5x60ml; R2: 5x15ml	30
29	Thuốc thử định lượng HDL Cholesterol direct	Hoá chất xét nghiệm HDL cholesterol trực tiếp.	Hộp	Hộp: R1: 4x60ml R2: 4x20ml	30
30	Hightergent / tương đương	Chất tẩy rửa sử dụng cho máy sinh hoá tự động	Chai	2.000 ml /Chai	40
31	Thuốc thử định lượng IRON	Hoá chất xét nghiệm Sắt trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 4x30ml	5
32	HDL/LDL Calibrator	Chất chuẩn chung HDL/LDL cholesterol	Hộp	Hộp: R1: 5x1ml	2
33	Thuốc thử định lượng MICROALBUMIN	Hoá chất xét nghiệm Microalbumine trong nước tiểu.	Hộp	Hộp: R1: 1x60ml;R2: 1x20ml	15
34	MICROALBUMIN CALIBRATOR	Hoá chất chuẩn Microalbumin	Hộp	Hộp: R1: 6x2ml	2

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
35	Microalbumin Control	Hoá chất kiểm chứng Microalbumin	Hộp	Hộp: R1: 2x1ml	2
36	Protein Control Set Levelland 2	Chất kiểm chứng chung 2 mức cho các xét nghiệm Albumin, Alpha 1 - Acidglycoprotein, Alpha 1 - antitrypsin, Alpha 2- Macroglobuline, ASO, Antithrombin III, Beta - 2- Microglobuline, C1 Esterase inhibitor, CRP, Ceruloplasmine, C3, C4, Ferritine, Haptoglobin, IgA, IgG, IgM, IgE, Kappa light chain, Prealbumin, Transferine	Hộp	Hộp: 2x2ml	1
37	Thuốc thử định lượng RF RF có kèm chất chuẩn	Hoá chất xét nghiệm RF	Hộp	Hộp: R1:4x40ml; R2:4x10ml; Cal:1x2ml	3
38	Thuốc thử định lượng TOTAL PROTEIN	Xét nghiệm Protein toàn phần trong máu.	Hộp	Hộp: R1:4x60ml	3
39	Thuốc thử định lượng TRANSFERRIN	Hoá chất Xét nghiệm Transferin trong máu.	Hộp	Hộp: R1:2x20ml; R2:1x8ml	5
40	Thuốc thử định lượng Triglycerides	Xét nghiệm Triglyceride trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 5x60ml; R2: 5x15ml	25
41	Thuốc thử định lượng Uric Acid	Hoá chất xét nghiệm Acid uric trong máu.	Hộp	Hộp: R1: 5x60ml; R2: 5x15ml	10
42	Thuốc thử định lượng Protein trong dịch não tủy và nước tiểu	Xét nghiệm Protein trong nước tiểu / Dịch não tủy	Hộp	Hộp: R1: 4x30ml; R2: 1x5ml	2
43	CALIBRATION SERUM	Chất hiệu chuẩn từ huyết thanh cho các xét nghiệm TOTAL ACID PHOSPHATASE, ALKALINE PHOSPHATASE, ALT / GPT, AST / GOT, AMYLASE, CK NAC, CHOLINESTERASE, Gamma GT, LDH, Lipase, NEFA.	Hộp	Hộp: 10x3ml	1
44	Human Assayed Control L2 (Normal)	Chất kiểm chứng sinh hóa mức bình thường	Hộp	Hộp: 10x5ml	1
45	Human Assayed Control L3 (Elevated)	Chất kiểm chứng sinh hóa mức cao	Hộp	Hộp: 10x5ml	1
	LÔ 5: HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG				
46	Hóa chất pha loãng kiểm tra cho xét nghiệm điện giải đồ	Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro để theo dõi và điều chỉnh tỷ lệ pha loãng cho xét nghiệm IMT Na K Cl Bảo quản: 2–30°C	Hộp	Hộp: 6 x 2 mL	2
47	Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm điện giải đồ	Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm điện giải đồ, dùng pha loãng mẫu điện giải Đệm Phosphate; albumin huyết thanh bò (0,01%)	Hộp	Hộp: 2 x 1.5L	15
48	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm điện giải đồ	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm Na K Cl Chất đệm Phosphate; natri clorua (10 mmol/L); kali clorua (0,4 mmol/L); natri bicarbonate (4,0 mmol/L); albumin huyết thanh bò (0,01%);	Hộp	Hộp: 2 x 1.5L	45

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
49	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm điện giải đồ	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm Na K Cl Đệm Phosphate; natri clorua (7,0 mmol/L); kali clorua (6,0 mmol/L); lithium clorua (3,0 mmol/L); albumin huyết thanh bò (0,01%); Kali clorua (120 mmol/L); albumin huyết thanh bò (0,01%);	Hộp	Hộp: STD B: 2 x 250mL Salt Bridge: 2 x 125 mL	45
50	Điện cực và hóa chất cho xét nghiệm điện giải đồ	Điện cực và hóa chất cho xét nghiệm điện giải đồ, dùng để định lượng Na K Cl trong huyết thanh huyết tương và nước tiểu	Gói	4 gói / hộp	30
51	Cup đựng mẫu	- Cóng làm bằng nhựa - Thể tích 1ml	Cái	1000 cái /hộp	10,000
52	Hóa Chất rửa Cuvette	- Dùng để rửa Cuvet: Natri hiđroxit	Hộp	Hộp : 2 x 1.5L	30
53	Hóa Chất rửa Cuvette và điều chỉnh Cuvette	- Dùng để rửa và điều chỉnh Cuvet phản ứng	Hộp	Hộp : 2 x 1.5L	50
54	Hóa Chất rửa kim hút thuốc thử	- Dùng rửa ống hút thuốc thử, thiết bị trộn và Cuvet Natri hiđroxit	Hộp	Hộp: 8 x 44,6 mL	15
55	Hóa chất rửa kim hút thuốc thử, Cuvette	- Dùng rửa ống hút thuốc thử, thiết bị trộn và Cuvet Axit oxalic; axit glycolic; methanol	Hộp	Hộp: 8 x 45 mL	50
56	Hóa chất rửa kim hút thuốc thử, Cuvette	-Dùng rửa ống hút thuốc thử, thiết bị trộn và Cuvet Axit nitric	Hộp	Hộp: 4 x 47 mL	5
57	Dung dịch làm mát bóng đèn quang kế	- Làm mát hệ thống quang kế của máy sinh hóa Propylene glycol	Hộp	Hộp: 1 x 250 mL	5
58	Cuvette pha loãng mẫu thử	- Cuvette nhựa- để chứa mẫu đã pha loãng cho các xét nghiệm sinh hóa. Cuvette được rửa và tái sử dụng liên tục, và nên được thay thế sau mỗi 4 tháng.	Hộp	Hộp: 5 segs x 23 cuvettes	2
59	Cuvette phản ứng	- Công dụng: chứa dung dịch phản ứng trong suốt quá trình phản ứng sinh hóa, bao gồm: trộn, đo quang, rửa. Chất liệu: Nhựa	Hộp	Hộp: 5 segments x 17 cuvettes	6
60	Hóa chất rửa kim pha loãng	- Dùng vệ sinh que thăm pha loãng cho máy sinh hóa Natri hipoclorit	Hộp	Hộp : 2 x 1.5L	30
61	Dung dịch pha loãng mẫu	- Dùng để pha loãng mẫu cho máy xét nghiệm sinh hóa Natri clorua; chất bảo quản	Hộp	Hộp : 2 x 1.5L	50
62	Chất chống vi khuẩn cho bể nước và ngăn bong bóng bám vào Cuvette	- Phòng chống vi khuẩn cho bể nước và ngăn chặn bong bóng bám vào Cuvet của máy sinh hóa	Hộp	Hộp: 4 x 36 mL	3
63	Hóa chất xét nghiệm Albumine	- Dùng định lượng Albumin trong huyết tương, huyết thanh người	Hộp	Hộp: 4 x 1700 test	5
64	Hóa chất xét nghiệm Alkaline Phosphatase	- Dùng định lượng Phosphatase trong huyết thanh và huyết tương người	Hộp	Hộp: 4 x 1200 test	1
65	Hóa chất xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT)	- Dùng định lượng hoạt tính của men Alanine Aminotransferase trong huyết tương và huyết thanh người	Hộp	Hộp: 3 x 850 test	40

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
66	Hóa chất xét nghiệm Ammonia (Amm)	- Dùng định lượng amoniac trong huyết tương người	Hộp	4 x 120 test	5
67	Hóa chất xét nghiệm Amylase (Amylas)	- Định lượng hoạt động của Amylase trong huyết thanh, huyết tương người	Hộp	Hộp: 3 x 350 test	3
68	Hóa chất xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST)	- Định lượng hoạt tính của men Aspartate Aminotransferase trong huyết thanh và huyết tương người	Hộp	Hộp: 3 x 850 test	40
69	Hóa chất xét nghiệm ß2-Microglobulin (B2M)	- Định lượng ß2-Microglobulin trong huyết tương, huyết thanh người	Hộp	Hộp: 2 x 200 test	2
70	Hóa chất xét nghiệm Calcium_2 (CA_2)	- Định lượng canxi trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu của người	Hộp	Hộp: 4 x 2050 Tests	10
71	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol_2 (Chol_2)	- Định lượng Cholesterol trong huyết thanh. huyết tương người	Hộp	Hộp: 4 x 2100 test	15
72	Hóa chất xét nghiệm C-Reactive Protein_2 (CRP_2)	- Định lượng nồng độ Protein phản ứng C trong huyết thanh và huyết tương người Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 2 x 500 test	20
73	Hóa chất xét nghiệm Creatinine_2 (Crea_2)	- Định lượn Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người Bảo quản: 15–25°C	Hộp	Hộp: 4 x 1472 test	25
74	Hóa chất xét nghiệm Direct Bilirubin 2 (DBil_2)	- Định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương người Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 448 test	5
75	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin_2 (TBil_2)	- Định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người	Hộp	Hộp: 4 x 448 test	5
76	Hóa chất xét nghiệm Direct HDL Cholesterol (D-HDL)	- Định lượng Cholesterol HDL trong huyết thanh và huyết tương người Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 448 test	35
77	Hóa chất xét nghiệm Gamma-Glutamyl Transferase (GGT)	- Định lượng Gamma-Glutamyl Transferase trong huyết thanh và huyết tương người Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 448 test	15
78	Hóa chất xét nghiệm Glucose Hexokinase_3 (GluH_3)	- Định lượng Glucose trong huyết thanh người, dịch não tủy, huyết tương Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 1560 test	25
79	Hóa chất xét nghiệm Inorganic Phosphorus (IP)	- Định lượng Phospho hữu cơ trong huyết thanh, huyết tương người và nước tiểu Bảo quản: 15–25°C	Hộp	Hộp: 3 x 1700 test	1
80	Hóa chất xét nghiệm Iron_2 (Iron_2)	- Định lượng sắt trong huyết thanh, huyết tương người Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 448 test	5
81	Hóa chất xét nghiệm Lactate (Lac)	- Định lượng Lactate trong huyết tương người Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 95 test	10

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
82	Hóa chất xét nghiệm Direct LDL Cholesterol (D-LDL)	- Định lượng Cholesterol LDL trong huyết thanh và huyết tương người Chất đệm ; cholesterol esterase, cholesterol oxidase Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 400 test	10
83	Hóa chất xét nghiệm Lipase (Lip)	- Định lượng Lipase trong huyết thanh, huyết tương người Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 320 test	1
84	Hóa chất xét nghiệm Magnesium (Mg)	- Định lượng Magie trong huyết thanh, huyết tương người và nước tiểu Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 3 x 400 test	2
85	Hóa chất xét nghiệm Microalbumin_2 (µALB_2)	- Định lượng Albumin trong nước tiểu của người Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 210 test	10
86	Hóa chất xét nghiệm Total Protein II (TP)	- Định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người Bảo quản: 15–25°C	Hộp	Hộp: 4 x 1850 test	3
87	Hóa chất xét nghiệm Transferrin (Trf)	- Định lượn Transferrin trong huyết thanh và huyết tương người Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 220 test	4
88	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid (UA)	- Định lượng Acid Uric trong huyết thanh, huyết tương người và nước tiểu Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 1200 test	10
89	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	- Định lượng Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương người Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 500 test	30
90	Hóa chất xét nghiệm Urea Nitrogen (UN)	- Định lượng Nitơ Urê trong huyết thanh và huyết tương người và nước tiểu Bảo quản: 2–8°C	Hộp	Hộp: 4 x 1560 test	15
91	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hoá 1	- Dùng hiệu chuẩn các xét nghiệm CHE, GGT, LDLP và Lipase trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 6 x 2.5 ml	4
92	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hoá 2	- Dùng hiệu chuẩn các xét nghiệm ALT, ALTPLc, AST, ASTPLc trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 6 x 1.5 ml	4
93	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hoá 3	- Dùng để hiệu chuẩn các xét nghiệm CK_L trên máy sinh hóa Bảo quản + Đã mở: 2-8°C + Chưa mở: -15°C đến -25°C	Hộp	Hộp: 6 x 2 ml	3
94	Chất hiệu chuẩn Toxicology Calibrator	- Hiệu chuẩn xét nghiệm Acet, ETOH, Sal trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 6 x 3 ml	3
95	Chất hiệu chuẩn Alkaline Phosphatase_2 Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm ALP_2c trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 6 x 1 ml	1
96	Chất hiệu chuẩn Apolipoprotein A-1 & B Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm APO A1 & APO B cho máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 5 x 1 ml	1

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
97	Chất hiệu chuẩn β2-Microglobulin Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm B2M trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 3 x 1 ml	1
98	Chất hiệu chuẩn C-Reactive Protein_2 Calibrators	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm CRP_2 trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 1 x 6 x 1 ml	3
99	Chất hiệu chuẩn LDL Cholesterol Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm LDL trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 3 x 2 ml	1
100	Chất hiệu chuẩn HDL Cholesterol Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm HDL trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 3 x 1 mL	5
101	Chất hiệu chuẩn Liquid Specific Protein Calibrators	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm AAG, ASO_2, C3, C4, Hapt, IgA_2, IgG_2, IgM_2, PreAlb và Trf trên máy sinh hóa. Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 1 x 6 x 1 ml	7
102	Chất hiệu chuẩn Microalbumin_2 Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm µALB_2 trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 1 x 5 x 2 ml	3
103	Chất hiệu chuẩn Chemistry Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm Alb, Ca, Chol_2, Crea_2, DBil_2, ECre_2, GluH_3, GluO, Iron_2, Li, Mg, IP, TBil_2, TP, Trig, UA, and UN_c trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 12 x 3 ml	4
104	Chất hiệu chuẩn Special Chemistry Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm Lac, TIBC, AMY_2, và PAMY_2 trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 10 x 5 ml	3
105	Chất hiệu chuẩn Urine Total Protein Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm UCFP trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 5 x 2 x 4 ml	1
106	Chất hiệu chuẩn CHEM III Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm Amm trên máy sinh hóa Bảo quản: 2-8°C	Hộp	Hộp: 2 x 3 x 2.5 ml	5
107	Hóa chất xét nghiệm Ethyl Alcohol	- Dùng để định lượng rượu Ethyl (Ethanol) trong nước tiểu, huyết tương và huyết thanh người	Hộp	Hộp: 4 x 300 test	15
108	Hóa chất xét nghiệm Rheumatoid Factor	- Dùng để định lượng yếu tố khớp dạng thấp trong huyết thanh người	Hộp	Hộp: 2 x 180 test	3
	LÔ 6: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỊNH DANH NHÓM MÁU TỰ ĐỘNG				
109	Thẻ xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO và Rh (D) theo phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu	Cassette để thực hiện xét nghiệm định tính kháng nguyên nhóm máu ABO và D (Rh1) trên tế bào hồng cầu người và để xác định kháng thể nhóm máu dự kiến.	Hộp	100 cassettes/Hộp	200
110	Thẻ xét nghiệm định tính IgG dạng kết hợp với hồng cầu	Cassette để thực hiện xét nghiệm định tính để phát hiện kháng thể IgG dạng kết hợp với hồng cầu.	Hộp	100 cassettes/Hộp	30
111	Thẻ xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO phương pháp hồng cầu mẫu, kháng thể bất thường và hòa hợp	Cassette để thực hiện xét nghiệm xác định kháng thể nhóm máu ABO dự kiến và quy trình xét nghiệm phát hiện kháng thể ngưng kết trực tiếp.	Hộp	100 cassettes/Hộp	30
112	Khay pha loãng hồng cầu	Khay bao gồm các giếng pha loãng hồng cầu của bệnh nhân	Hộp	180 pcs/Hộp	15

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
113	Dung dịch đệm tăng cường phản ứng	Dung dịch có nồng độ ion thấp (LISS) được sử dụng để tối ưu nồng độ ion cho sự bắt giữ kháng thể.	Hộp	3x10 mL	30
114	Dung dịch bảo dưỡng hàng ngày	Dung dịch gồm huyết thanh bò, muối vô cơ, và các chất bảo quản sử dụng trong bảo dưỡng hàng ngày cho hệ thống định nhóm máu tự động	Hộp	15x12 mL	30
115	Thẻ xét nghiệm định tính IgG hoặc bổ thể dạng kết hợp với hồng cầu	Cassette để thực hiện xét nghiệm định tính để phát hiện IgG hoặc bổ thể dạng kết hợp với hồng cầu. .	Hộp	100 cassettes/Hộp	30
116	Thẻ xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO và Rh (D) theo phương pháp huyết thanh mẫu	Cassette dùng cho xét nghiệm định tính để xác nhận các kháng nguyên A (ABO1), B (ABO2) và D (Rh1) trên bề mặt các tế bào hồng cầu người	Hộp	100 cassettes/Hộp	15
	LÔ 7 : HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG				
117	Hóa chất sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu	Hóa chất sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu, cũng là chất ly giải để đo Hemoglobin, và là dung dịch tạo dòng cho phương pháp đo tế bào dòng chảy trên máy phân tích huyết học tự động	Thùng	Thùng 20 lít	300
118	Hóa chất sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu	Hóa chất sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu trên máy phân tích huyết học tự động	Hộp	Hộp: 500 ml x 3	140
119	Hóa chất sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes trên máy phân tích huyết học tự động	Hóa chất sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes trên máy phân tích huyết học tự động	Hộp	5 lít /hộp	50
120	Hóa chất sử dụng để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân trên máy phân tích huyết học tự động	Hóa chất sử dụng để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân trên máy phân tích huyết học tự động	Hộp	5 lít/hộp	50
121	Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes trên máy phân tích huyết học tự động	Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes trên máy phân tích huyết học tự động	Hộp	Hộp: 42ml x 2	30
122	Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào nhằm đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân	Hoá chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào nhằm đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân	Hộp	Hộp: 82ml x 2	15
123	Hóa chất sử dụng trong phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu trên máy phân tích huyết học tự động	Hóa chất sử dụng trong phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu trên máy phân tích huyết học tự động	Thùng	1Lít /thùng	9

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
124	Hóa chất nhuộm tế bào hồng cầu lưới trên máy phân tích huyết học tự động	Hóa chất nhuộm tế bào hồng cầu lưới trên máy phân tích huyết học tự động	Hộp	Hộp: 12ml x 2	5
125	Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động	Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động	Hộp	Hộp: 4ml x 20	20
126	Chất chuẩn sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động (Check L1)	Chất chuẩn sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động	Lọ	Lọ 3.0ml	50
127	Chất chuẩn sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động (Check L2)	Chất chuẩn sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động	Lọ	Lọ 3.0ml	50
128	Chất chuẩn sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động (Check L3)	Chất chuẩn sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động	Lọ	Lọ 3.0ml	50
	LÔ 8: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG				
129	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đẳng trương kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động	Hộp	10Lít/hộp	500
130	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Hóa chất để sử dụng như một chất làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích tế bào tự động khi tiếp xúc với máu. - Thành phần: Dung dịch chứa enzym phân giải protein	Hộp	10Lít/hộp	25
131	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	Chất ly giải hồng cầu để định lượng hemoglobin, đếm NRBC, đếm và đo kích thước bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào huyết học	Hộp	5Lít/hộp	25
132	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất để thực hiện phân tích năm thành phần bạch cầu trong một mẫu máu.	Hộp	Hộp: 1900mL+850mL	35
133	Chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi sự hoạt động của máy huyết học . - Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, thành phần giống tiểu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân.	Hộp	Hộp: 4x3.5mLLevelI4x3.5mLLevelII 4x3.5mLLevelIII	10
134	Chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi sự hoạt động của máy huyết học. - Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, thành phần giống tiểu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân	Bộ	Hộp: 4x3.5mLLevelI4x3.5mLLevelII 4x3.5mLLevelIII	30
	LÔ 9 : HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU TỰ ĐỘNG				
135	Que nhúng sử dụng trên máy phân tích sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động	Que nhúng sử dụng trên máy phân tích sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động gồm các thông số: Urobilinogen, Máu ẩn trong nước tiểu (Hồng cầu/ Hemoglobin), Protein, Glucose, Xeton, Nitrit, Bilirubin, Bạch cầu, pH.	Hộp	Hộp: 100pcs x 10	70

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
136	Hóa chất sử dụng làm hóa Chất kiểm chuẩn cho máy phân tích sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động	Hóa chất sử dụng làm hóa chất kiểm chuẩn cho máy phân tích sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động Bao gồm: UC-CONTROL-L và UC-CONTROL-H và bao gồm các thông số sau đây Urobilinogen (URO), Máu (Hemoglobin) (BLD), Bilirubin (BIL), Ketones (KET), Glucose (GLU), Protein (PRO), pH, Nitrite (NIT), Bạch cầu (LEU), Creatinine CRE), Albumin (ALB), Ti trọng (SG).	Hộp	Hộp: UC-CONTROL-H: 10mL x 3; UC-CONTROL-L: 10mL x 3	10
137	Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống máy sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động	Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống máy sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động	Hộp	50ml/hộp	15
	LÔ 10: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU TỰ ĐỘNG				
138	Chất thử chuẩn dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	Dùng để hiệu chuẩn máy, gồm 4 loại : Cal 1, cal 2, cal 3, cal 4. đọc các thông số: Color, Clarity, Glucose, bilirubin, ketone, Specific Gravity, Occult Blood, pH, Protein, Urobilinogen, nitrit, leukocytes, và Creatinine	Hộp	4x230ml/ Hộp	2
139	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	Dùng để rửa máy. Pha hỗn hợp 2ml cùng với 1000ml nước cất, dùng cho 2 tuần. thành phần: 3.5% Hexadecyltrimethylammonium hydrogen sulfate, 3.5% magnesium chloridehexxahydrate surfactant	Hộp	4x26ml/ Hộp	3
140	Que thử nước tiểu 12 thông số dùng cho máy phân tích nước tiểu hoàn toàn tự động	Que thử 12 thông số: Albumin, Bilirubin, Hồng cầu (Blood), Creatinine, Màu sắc, Glucose, Ketone, Leukocyte, Nitrite, pH, Protein, Urobilinogen. Máy tự động tính thêm 4 thông số : Ti trọng (SG), Độ trong, Albumin/ Creatinine (A/C) và Protein / Creatinine (P/C).	Hộp	450 Test/ hộp	200
	LÔ 11 : HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG				
141	Chất pha loãng mẫu trong các xét nghiệm miễn dịch, sử dụng pha loãng mẫu khi nồng độ chất phân tích vượt quá phạm vi đo của phương pháp, tiền pha loãng mẫu cho một số xét nghiệm miễn dịch.	Được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm	Hộp	36 mL/hộp	10
142	Dung dịch pha loãng mẫu trong xét nghiệm miễn dịch	Được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm	Hộp	36 mL/hộp	15
143	Chất pha loãng mẫu kết hợp với xét nghiệm Estradiol II, Progesterone II và Progesterone III.	Được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với xét nghiệm Estradiol II, Progesterone II và Progesterone III.	Hộp	Hộp: 2 x 22 mL	10

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
144	Dung dịch hệ thống để tạo tín hiệu điện hóa trong máy phân tích xét nghiệm miễn dịch được dùng để: bảo vệ các điện cực, vận chuyển hỗn hợp chất phản ứng, rửa các hạt vi mô phủ streptavidin và tạo tín hiệu.	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas được sử dụng kết hợp với thuốc thử xét nghiệm có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử.	Hộp	Hộp: 2 x 2 L	40
145	Dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện phản ứng miễn dịch	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu.	Hộp	Hộp: 2 x 2 L	20
146	Dung dịch hệ thống rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch	Là dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 2 x 2 L	40
147	Cúp và típ dùng hút mẫu, QC, và chất chuẩn trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động	Đầu côn hút mẫu hoặc cốc chứa hỗn hợp phản ứng cho mô đun	Hộp	Hộp: 36 x (105 tip + 105 cup) + 3 hộp giấy thải	15
148	Dung dịch vệ sinh điện cực chọn lọc ion, cốc pha loãng và ống	Dùng để vệ sinh máy phân tích miễn dịch	Hộp	Hộp: 5 x 100 mL	10
149	Tế bào đo mẫu	Bộ phận đo mẫu theo công nghệ điện hóa phát quang (Measuring cell), dùng cho máy phân tích miễn dịch tự động	Cái	1 PC	1
150	Cốc mẫu	Vật tư tiêu hao IVD được sử dụng cho các máy phân tích sinh hóa và miễn dịch	Thùng	5000 PCs/thùng	20
151	Thuốc thử xét nghiệm PCT (procalcitonin)	Thuốc thử xét nghiệm PCT (procalcitonin) với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	15
152	Thuốc thử xét nghiệm IL-6 (Interleukin-6)	Thuốc thử xét nghiệm IL-6 (Interleukin-6) với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	100 Test/hộp	2
153	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm IL-6 (Interleukin-6)	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm IL-6 (Interleukin-6)	Hộp	Hộp: 4 x 2.0 mL	1
154	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm C-peptide	Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch quy định trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp 6 x 2.0 mL	5
155	Thuốc thử xét nghiệm NT-proBNP	Thuốc thử xét nghiệm NT-proBNP với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	15
156	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm NT-proBNP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm NT-proBNP	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	7
157	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm NT-proBNP	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	Hộp: 4 x 2 mL	5
158	Thuốc thử xét nghiệm Troponin T	Thuốc thử xét nghiệm Troponin T với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	10
159	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin T	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin T	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	7
160	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Troponin T	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	Hộp: 4 x 2 mL	5

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
161	Thuốc thử xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein)	Thuốc thử xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein) với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	15
162	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein)	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng AFP trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	7
163	Thuốc thử xét nghiệm PIVKA-II	Thuốc thử xét nghiệm PIVKA-II với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	2
164	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PIVKA-II	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng PIVKA-II trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	1
165	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm PIVKA-II	Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch PIVKA-II trên máy phân tích miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	1
166	Thuốc thử xét nghiệm CA 15-3	Thuốc thử xét nghiệm CA 15-3 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	20
167	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15-3	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3 II trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	7
168	Thuốc thử xét nghiệm CA 19-9	Thuốc thử xét nghiệm CA 19-9 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	10
169	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 19-9	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9 trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	5
170	Thuốc thử xét nghiệm CA 72-4	Thuốc thử xét nghiệm CA 72-4 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	20
171	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 72-4	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4 trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	10
172	Thuốc thử xét nghiệm CA 125	Thuốc thử xét nghiệm CA 125 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	10
173	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125 II trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	5
174	Thuốc thử xét nghiệm PSA	Thuốc thử xét nghiệm PSA với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	15
175	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm PSA	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng total PSA trên các máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	7
176	Thuốc thử xét nghiệm PSA tự do	Thuốc thử xét nghiệm PSA với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	5
177	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA tự do	Hoá chất được dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng free PSA trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	3
178	Thuốc thử xét nghiệm CEA	Thuốc thử xét nghiệm CEA với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	15
179	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CEA trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	10

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
180	Thuốc thử xét nghiệm CYFRA 21-1	Thuốc thử xét nghiệm CYFRA 21-1 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	20
181	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CYFRA 21-1	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1 trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	10
182	Thuốc thử xét nghiệm NSE	Thuốc thử xét nghiệm NSE với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	5
183	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm NSE	Hoá chất được dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NSE trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	3
184	Dung dịch pha loãng xét nghiệm NSE	Được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với xét nghiệm NSE	Hộp	Hộp 4 x 3.0 mL	3
185	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm	Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp 4 x 3.0 mL	15
186	Thuốc thử xét nghiệm ProGRP	Thuốc thử xét nghiệm ProGRP với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	100 Test/hộp	15
187	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm ProGRP	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng ProGRP trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	7
188	Thuốc thử xét nghiệm SCC	Thuốc thử xét nghiệm SCC với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	100 Test/hộp	5
189	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm SCC	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng SCC trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	3
190	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm ProGRP, SCC, Cyfra 21-1, NSE	Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch SCC, ProGRP, CYFRA 21-1 và NSE trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 3.0 mL	10
191	Thuốc thử xét nghiệm TSH	Thuốc thử xét nghiệm TSH với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	15
192	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch.	Hộp	Hộp: 4 x 1.3 ml	7
193	Thuốc thử xét nghiệm T3	Thuốc thử xét nghiệm T3 với phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	2
194	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm T3	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng T3 trên máy xét nghiệm miễn dịch.	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	1
195	Thuốc thử xét nghiệm FT3	Thuốc thử xét nghiệm FT3 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	10
196	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT3	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT3 trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	3
197	Thuốc thử xét nghiệm T4	Thuốc thử xét nghiệm T4 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	2

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
198	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm T4	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng T4 trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	1
199	Thuốc thử xét nghiệm FT4	Thuốc thử xét nghiệm FT4 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	15
200	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT4	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT4 trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	7
201	Thuốc thử xét nghiệm Tg (Thyroglobulin)	Thuốc thử xét nghiệm Tg (Thyroglobulin) với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	2
202	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Tg (Thyroglobulin)	Chất hiệu chuẩn được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Tg II trên máy xét nghiệm miễn dịcd	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	1
203	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng Tg (Thyroglobulin)	Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-TSHR, Anti-TPO và Anti-Tg trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 2 ml	1
204	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm miễn dịch	Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 2 x 2 x 3.0 ml	1
205	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng TPO	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng TPO với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	2
206	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm kháng thể kháng TPO	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm kháng thể kháng TPO	Hộp	Hộp: 4 x 1.5mL	1
207	Thuốc thử xét nghiệm TSHR	Thuốc thử xét nghiệm TSHR với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	2
208	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSHR	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-TSHR trên máy xét nghiệm miễn dịch.	Hộp	Hộp: 4 x 2.0 ml	1
209	Thuốc thử xét nghiệm PAPP-A	Thuốc thử xét nghiệm PAPP-A với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	100 Test/hộp	5
210	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PAPP-A	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng PAPP-A trên máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	3
211	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Maternal Care Gen 2	Hoá chất kiểm soát xét nghiệm Maternal Care Gen 2	Hộp	Hộp: 6 x 3.0 mL	3
212	Thuốc thử xét nghiệm Free HCGbeta	Thuốc thử xét nghiệm Free HCGbeta với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	100 Test/hộp	5
213	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Free HCGbeta	Hoá chất dùng hiệu chuẩn xét nghiệm Free HCGbeta	Hộp	Hộp: 4 x 1.0 mL	3
214	Thuốc thử xét nghiệm HCG+beta	Thuốc thử xét nghiệm HCG+beta với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang	Hộp	300 Test/hộp	15
215	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HCG+beta	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm HCG+beta	Hộp	Hộp 4 x 1.0 mL	7
	LÔ 12: HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM HBA1C TỰ ĐỘNG				

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
216	Chất thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Thành phần: Hydrophilic polymer of methacrylate esters copolymer. Pre-filter tích hợp trên cột sắc ký Tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	2500 test/hộp	15
217	Chất thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.. Thành phần: Sodium perchlorate nồng độ <1.0%, Sodium azide nồng độ <0.1%; pH: 5.35 ± 0.05; Tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	600ml x 4/hộp	60
218	Chất thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.. Thành phần: Sodium perchlorate nồng độ ≤ 3.0%, Phosphate nồng độ ≤ 2.0%, Sodium azide nồng độ < 0.1%; pH: 8.05 ± 0.20; Tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	600ml x 2/hộp	40
219	Chất thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.. Thành phần: Phosphate nồng độ ≤ 2.0%, Sodium perchlorate nồng độ ≤ 0.3%, Sodium azide nồng độ < 0.1%; pH: 7.05 ± 0.03; Tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	600ml x 2/hộp	40
220	Chất thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Sản phẩm này được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.. Thành phần: Sodium azide nồng độ ≤ 0,01%; pH: 7.50 ± 0.1; Tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	2000ml x 3/hộp	70
	LÔ 13: HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM COVID 19 BẰNG REAL TIME PCR				
221	Sinh Phẩm chẩn đoán in vitro xét nghiệm Vi rút SARS- CoV-2 dùng cho máy PCR	Phát hiện đồng thời gene E, gene N và chứng nội trong cùng 1 phản ứng. -Sử dụng chứng nội IPC- GAPDH để kiểm soát toàn bộ quy trình. - Giới hạn phát hiện 5 Copies/ Phản ứng - Loại mẫu: mẫu phết tỵ hầu, phết mũi trước, dịch phết hầu họng cũng như dịch rửa mũi / hút mũi.	Test	Hộp/ 100 test	1,500
222	Hóa chất tách chiết acid nucleic sử dụng kèm máy tách chiết tự động	Bộ Kit được sử dụng trong tách chiết, làm giàu và tinh sạch acid nucleic của virus (DNA/RNA) trên các nền mẫu: huyết thanh, huyết tương, dịch phết mũi họng, dịch bảo quản tế bào, nước tiểu và các loại dịch tiết. (Bộ kit bao gồm Vật tư Tiêu hao chạy máy tự động)	Hộp	Hộp /32 test	50
	LÔ 14: HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM REAL-TIME PCR BÁN TỰ ĐỘNG				

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
223	Định lượng Hepatitis B Virus (HBV) bằng kỹ thuật Real-time PCR	- Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis B Virus (HBV) bằng kỹ thuật Real-time PCR. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: huyết tương. - Tính năng kỹ thuật: + được xác định dựa theo mẫu chuẩn "3rd WHO International Standard for Hepatitis B Virus". + Trong cùng một lô, các mẫu bệnh phẩm sử dụng cùng một đường chuẩn.	Test	96 test/bộ	960
224	Định lượng Hepatitis C Virus (HCV) bằng kỹ thuật Real-time PCR	- Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis C Virus (HCV) bằng kỹ thuật Real-time PCR. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: huyết tương. - Tính năng kỹ thuật: + được xác định dựa theo mẫu chuẩn "4th WHO International Standard for Hepatitis C Virus" + Trong cùng một lô, các mẫu bệnh phẩm sử dụng cùng một đường chuẩn.	Test	96 test/bộ	192
225	Ly trích và tinh sạch DNA/RNA virus trên hệ thống máy tách chiết tự động	Bộ xét nghiệm IVD chỉ định cho quy trình ly trích và tinh sạch DNA/RNA virus trên hệ thống máy tách chiết tự động Bộ tách chiết được đóng sẵn trong khay, thực hiện được từng mẫu hoặc nhiều mẫu không tốn vật tư . - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD	Test	48 test/bộ	1,152
226	Định tính kiểu gene và định lượng 14 typ Human Papilloma virus nguy cơ cao bằng kỹ thuật Real-time PCR	- Bộ xét nghiệm định tính kiểu gene và định lượng 14 typ Human Papilloma virus nguy cơ cao bằng kỹ thuật Real-time PCR. - Nguồn mẫu: mẫu phết cổ tử cung, dịch tế bào, sinh thiết từ niêm mạc, mẫu phết dịch nội mô niệu đạo - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD	Test	100 test/bộ	200
227	Ly trích và tinh sạch DNA/RNA vi sinh vật gây bệnh lây truyền qua đường tình dục trên hệ thống máy tách chiết tự động	`- Bộ IVD chỉ định cho quy trình ly trích và tinh sạch DNA/RNA vi sinh vật gây bệnh lây truyền qua đường tình dục trên hệ thống máy tách chiết tự động - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: mẫu phết sinh dục, nước tiểu, tinh dịch Bộ tách chiết được đóng sẵn trong khay, thực hiện được từng mẫu hoặc nhiều mẫu không tốn vật tư .	Test	48 test/hộp	200

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
228	Treponema pallidum Real-TM	- Bộ xét nghiệm IVD phát hiện Treponema pallidum bằng kỹ thuật Real-time PCR - Nguồn mẫu: mẫu phết cổ tử cung, niệu đạo; huyết tương; dịch não tủy; dịch ối; mô; dịch tiết từ vết loét tổn thương giang mai. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD	Test	100 test/bộ	100
	LÔ 15: HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM REAL-TIME PCR TRÊN HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG HOÀN TOÀN				
229	Kit định lượng DNA HBV đóng gói tương thích để thực hiện xét nghiệm trên thiết bị tự động	Bộ Kit Realtime HBV (Bao gồm: hóa chất tách chiết, hóa chất khuếch đại, hóa chất đối chứng, hóa chất hiệu chuẩn, bộ pha loãng mẫu, các ống xử lý mẫu và các vật tư tiêu hao) được thực hiện trên hệ thống tự động hoàn toàn (Tự động tách chiết DNA từ mẫu huyết tương, huyết thanh	Test	4 x 48 test / Bộ	4,000
230	Kit định lượng HCV đóng gói tương thích để thực hiện xét nghiệm trên thiết bị tự động	Bộ Kit Realtime HCV (Bao gồm: hóa chất tách chiết, hóa chất khuếch đại, hóa chất đối chứng, hóa chất hiệu chuẩn, bộ pha loãng mẫu, các ống xử lý mẫu và các vật tư tiêu hao) được thực hiện trên hệ thống tự động hoàn toàn (Tự động tách chiết RNA từ mẫu huyết tương, huyết thanh	Test	4 x 48 test / Bộ	1,000
231	Bộ kit phát hiện 14 kiểu gen của HPV	Bộ Kit Realtime HPV (Bao gồm: hóa chất tách chiết, hóa chất khuếch đại, hóa chất đối chứng, bộ thu mẫu và các vật tư tiêu hao) được thực hiện trên hệ thống tự động tách chiết DNA từ mẫu bệnh phẩm cổ tử cung và đọc kết quả Realtime PCR với đặc tính:	Test	4 x 96 test / Bộ	1,000
232	Kit định lượng HIV đóng gói tương thích để thực hiện xét nghiệm trên thiết bị tự động	Bộ Kit Realtime HIV-1 (Bao gồm: hóa chất tách chiết, hóa chất khuếch đại, hóa chất đối chứng, hóa chất hiệu chuẩn và các vật tư tiêu hao) được thực hiện trên hệ thống tự động hoàn toàn (Tự động tách chiết RNA từ mẫu huyết tương, huyết thanh đến quá trình đọc kết quả Realtime PCR)	Test	4 x 48 test / Bộ	12,000
	LÔ 16: HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM TẾ BÀO CD4				
233	Xét nghiệm đếm số lượng tế bào lympho T-CD4+ tuyệt đối trong máu người	Hoá chất dùng cho xét nghiệm đếm số lượng tế bào lympho T-CD4+ tuyệt đối trong máu người	Test	100 tests/hộp	12,000
234	Đo lường kiểm chuẩn định lượng cho xét nghiệm đếm số lượng tế bào T-CD4+ tuyệt đối trong máu người	Hoá chất sử dụng để đo lường kiểm chuẩn định lượng cho xét nghiệm đếm số lượng tế bào T-CD4+ tuyệt đối trong máu người	Hộp	Hộp: 2 x 25 mL (theo PI), tương đương 50 tests	12
235	Dung dịch phụ trợ cho việc đếm tế bào dòng chảy	Dung dịch phụ trợ cho việc đếm tế bào dòng chảy sẽ được chảy qua hệ thống dung dịch của máy đếm tế bào dòng chảy qua áp suất chân không.	Hộp	5000 mL/hộp	100
236	Dung dịch dùng để vệ sinh đường dẫn mẫu của máy đếm tế bào dòng chảy	Dung dịch dùng để vệ sinh đường dẫn mẫu của máy đếm tế bào dòng chảy	Hộp	250 mL/hộp	10

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
237	Dung dịch vệ sinh đường dẫn mẫu	Dung dịch vệ sinh đường dẫn mẫu của máy đếm tế bào dòng chảy bằng cách giảm protein dư lại nhờ vào enzyme.	Hộp	250 mL/hộp	8
238	Dung dịch dùng để vệ sinh đường dẫn mẫu	Hypochlorite Solution là dung dịch chứa nước có chứa < 1,00 % trọng lượng natri hypochlorit	Hộp	250 mL/hộp	20
239	Ống mẫu dùng một lần làm bằng polystyrene	Ống mẫu dùng một lần làm bằng polystyrene	Hộp	500 pcs/hộp	30
240	Bộ lọc dùng một lần để cách ly chất lỏng khỏi bất kỳ mảnh vụn hoặc vật liệu nào.	Bộ lọc dùng một lần để cách ly chất lỏng khỏi bất kỳ mảnh vụn hoặc vật liệu nào. Bộ lọc cho chất lỏng vỏ bọc được làm từ vật liệu nylon monofil	Hộp	10 pcs/hộp	5
241	Giấy in nhiệt dùng cho máy in nhiệt tích hợp trong các máy phân tích	Giấy in nhiệt dùng cho máy in nhiệt tích hợp trong các máy phân tích (CyFlow® Counter / CyFlow® miniPOC)	Hộp		10
	LÔ 17: HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG				
242	Xét nhiệm định tính kháng thể HCV	Hóa chất định tính kháng thể kháng virus viêm gan C trong huyết thanh hoặc huyết tương ứng dụng công nghệ hóa phát quang vi hạt từ với chất nền hóa phát quang , dùng trên hệ thống miễn dịch tự động	Test	100 test / kit	4,000
243	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HCV	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HCV trên hệ thống miễn dịch tự động, Gồm: HCV Ab Negative Calibrator HCV Ab Positive Calibrator.	Hộp	Hộp: 1ml x 1 x 2 level	12
244	Xét nghiệm kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (HBsAg)	Hóa chất xét nghiệm kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương ứng dụng công nghệ hóa phát quang vi hạt từ dùng trên hệ thống miễn dịch tự động. (Hoặc tương đương)	Test	100 test / kit	5,000
245	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAg (HBs Ag calibrator)	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAg trên hệ thống miễn dịch tự động	Hộp	Hộp: 1ml x 1 x 6 level	12
246	Hóa chất định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (Anti-HBs)	Hóa chất định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương ứng dụng công nghệ hóa phát quang vi hạt từ với chất nền hóa phát quang, dùng trên hệ thống miễn dịch tự động.	Test	100 test / kit	3,500
247	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBs (Anti-HBs calibrator)	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBs trên hệ thống miễn dịch tự động	Hộp	Hộp: 1ml x 1 x 4 level	12

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
248	Hóa chất định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B(HBeAg)	Hóa chất định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương ứng dụng công nghệ hóa phát quang vi hạt từ với chất nền hóa phát quang, dùng trên hệ thống miễn dịch tự động.	Test	50 test / kit	2,500
249	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBeAg (HBeAg calibrator)	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBeAg (chứa kháng nguyên Hbe tái tổ hợp). trên hệ thống miễn dịch tự động	Hộp	Hộp: 1ml x 1 x 2 level	12
250	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBsAg, HBeAg, anti-HBs, anti-Hbe, anti-HBc (HBV Immunoassay control)	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBsAg, HBeAg, anti-HBs, anti-Hbe, anti-HBc trên hệ thống miễn dịch tự động. 1. HBV Antigen Positive Level 1 (HBsAg, HBeAg) 2. HBV Antigen Positive Level 2 (HBsAg, HBeAg) 3. HBV Antibody Positive Level 1 (Anti-HBs, Anti-HBe) 4. HBV Antibody Positive Level 2 (Anti-HBs, Anti-HBc)	Hộp	Hộp: 3ml × 2 vial x 4 level	20
251	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBs antigen, HCV antibody, TP antibody, HIV antibody and HTLV-1 antibody	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBs antigen, HCV antibody, TP antibody, HIV antibody and HTLV-1 antibody trên hệ thống miễn dịch tự động Chất kiểm chuẩn mức 1. Chất kiểm chuẩn mức 2.	Hộp	Hộp: L1: 3ml x 3; L2: 3ml x 3	15
252	Chất nền Hóa phát quang trên hệ thống miễn dịch tự động	Chất nền hóa phát quang trên hệ thống miễn dịch tự động	Hộp	Hộp: R4: 40ml; R5: 70ml	30
253	Dung dịch phân tách B/F (bước rửa) trên hệ thống miễn dịch tự động	Dung dịch phân tách B/F (bước rửa) trên hệ thống miễn dịch tự động sử dụng phương pháp miễn dịch hóa phát quang gắn enzyme với chất nền phát quang CDP-Star	Lít	10 lít / hộp	100
254	Dung dịch rửa đđường ống trên hệ thống miễn dịch tự động	Dung dịch rửa đường ống trên hệ thống miễn dịch tự động	Lít	10 lít / hộp	1,200
255	Dung dịch rửa kim hút R4/R5 trên hệ thống miễn dịch tự động	Dung dịch rửa kim hút trên hệ thống miễn dịch tự động	Hộp	Hộp: 250ml x 2	20
256	Giếng phản ứng trên hệ thống miễn dịch tự động	Giếng phản ứng bằng nhựa, dùng 1 lần trên hệ thống miễn dịch tự động.	Thùng	5000 cái / thùng	10
257	Đầu côn dùng một lần trên hệ thống miễn dịch tự động	Đầu côn hút mẫu dùng một lần trên hệ thống miễn dịch tự động.	Thùng	5000 cái / thùng	10

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
258	Dung dịch pha loãng cho các xét nghiệm	Dung dịch pha loãng cho các xét nghiệm định lượng, dùng trên hệ thống miễn dịch tự động	Hộp	Hộp 20ml	6
259	Hóa chất định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (Anti-TP)	Hóa chất R1: chứa kháng nguyên TP tái tổ hợp (Tp15,17,47kDa) được đánh dấu biotin 0.85 pg/mL. Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ streptavidin 5 mg/mL. Hóa chất R3: chứa kháng nguyên TP tái tổ hợp (Tp15,17,47kDa) được đánh dấu ALP 0.13 U/mL	Test	Hộp 100 test	20
260	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-TP	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Anti-TP	Hộp	Hộp 1mL x 1 x 2 level	5
	LÔ 18: HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG				
261	Hóa chất xét nghiệm định lượng HBsAg	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng kháng nguyên bề mặt Hepatitis B virus (HBsAg) trong huyết tương hoặc huyết thanh người;	Test	3x14 tests/Hộp	500
262	Hóa chất xét nghiệm định tính HBsAg	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt kháng virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết tương hoặc huyết thanh người;	Test	3x14 tests/Hộp	500
263	Hóa chất xét nghiệm HBsAb	Hoá chất xét nghiệm sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính và định lượng kháng thể với kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (Anti -HBs) trong huyết tương hoặc huyết thanh người;	Test	3x14 tests/Hộp	500
264	Hóa chất xét nghiệm HBcAb	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng thể kháng nguyên lõi virus viêm gan B (Anti -HBc) trong huyết tương hoặc huyết thanh người; dùng cho mục đích hỗ trợ sàng lọc và chẩn đoán nhiễm virus viêm gan B.	Test	3x14 tests/Hộp	300
265	Hóa chất xét nghiệm HBcIgM	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng thể IgM với kháng nguyên lõi virus viêm gan B (HBc IgM) trong huyết tương hoặc huyết thanh người;	Test	3x14 tests/Hộp	200
266	Hóa chất xét nghiệm HBeAg	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng nguyên E virus viêm gan B trong huyết tương hoặc huyết thanh người;	Test	3x14 tests/Hộp	500

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
267	Hóa chất xét nghiệm HBeAb	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng thể với kháng nguyên e vi rút viêm gan B (anti-HBe) trong huyết tương hoặc huyết thanh người.	Test	3x14 tests/Hộp	500
268	Hóa chất xét nghiệm HAVAb	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan A (HAV) trong huyết tương hoặc huyết thanh người; dùng cho mục đích hỗ trợ chẩn đoán nhiễm virus viêm gan A.	Test	3x14 tests/Hộp	200
269	Hóa chất xét nghiệm HAV IgM	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus viêm gan A trong huyết tương hoặc huyết thanh người;	Test	3x14 tests/Hộp	200
270	Hóa chất xét nghiệm HBcrAg	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng nguyên liên quan đến lõi Hepatitis B virus trong huyết tương hoặc huyết thanh người;	Test	3x14 tests/Hộp	200
271	Hóa chất xét nghiệm HCV Ab	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C trong huyết tương hoặc huyết thanh người;	Test	3x14 tests/Hộp	500
272	Hóa chất xét nghiệm Treponema Pallidum	Sử dụng cho chẩn đoán in vitro nhằm phát hiện định tính kháng thể Treponema Pallidum (TP) trong huyết tương hoặc huyết thanh người.	Test	3x14 tests/Hộp	210
273	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HCV Ab	Chất nội kiểm chuẩn của xét nghiệm HCV Ab	Hộp	2x2x1,5 mL/Hộp	5
274	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm HBsAg	Chất nội kiểm chuẩn của xét nghiệm HBsAg	Hộp	2x3x2,5 mL/Hộp	5
275	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HBsAg-Quant	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HBsAg-Quant	Hộp	1x6x2,0 mL/Hộp	4
276	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg	Hộp	1x2x2,0 mL/Hộp	4
277	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAb	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAb	Hộp	1x2x1,5 mL/Hộp	4
278	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBcAb	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBcAb	Hộp	1x2x1,5 mL/Hộp	4
279	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HAVAb	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HAVAb	Hộp	1x2x1,5 mL/Hộp	4

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
280	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm	Sử dụng để hút mẫu bệnh phẩm	Hộp	10x96 tips/Hộp	10
281	Dung dịch cơ chất	Cơ chất tham gia phản ứng tạo tín hiệu sáng với phức hợp kháng nguyên - kháng thể có gắn men enzyme	Hộp	6x50 mL/Hộp	20
282	Dung dịch pha loãng bệnh phẩm	Dùng để pha loãng mẫu	Hộp	4x80 mL/Hộp	20
283	Dung dịch rửa hệ thống	Dùng trong bước rửa trong phương pháp miễn dịch enzyme hóa phát quang	Chai	1x1000 mL	35
284	Cóng (cu-vét) pha loãng	Dùng để pha loãng mẫu, kiểm tra cơ chất và chất lượng nước.	Hộp	3x14 tests/Hộp	141
285	Lọc CO2	Dùng để ngăn chặn sự hư hỏng của dung dịch cơ chất	Hộp	6x2 ống/Hộp	3
	LÔ 19: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM BẰNG PHƯƠNG PHÁP ELISA				
286	Định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	Định tính kháng thể gG kháng kháng nguyên Fasciola trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	300
287	Đinh tính kháng thể IgG Toxocara	Định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Toxocara trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	1,300
288	Đinh tính kháng thể IgG Strongyloides	Định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Strongyloides trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	900
289	Định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma spinigerum	Định tính kháng thể IgG kháng giun đầu gai (Gnathostoma spinigerum) trong mẫu huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA	Test	96 test/hộp	500
290	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus	Hoá chất xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	100
291	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Trichinella	Định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Trichinella trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	200

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
292	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Cysticercosis	Định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Cysticercosis IgG (T.Solium) trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	100
293	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Schistosoma spp	Định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Schistosoma trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	300
294	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Entamoeba histolytica	Định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên E. Histolytica trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA.Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	100
295	Xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Ascaris	Định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Ascaris trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	200
296	Xét nghiệm kháng thể IgG kháng sán lá phổi (Anti Paragonimus (lung fluke) IgG)	Bán định lượng kháng thể IgG kháng Paragonimus trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	200
297	Xét nghiệm kháng thể IgG kháng sán lá gan nhỏ (Clonorchis sinensis IgG)	Bán định lượng kháng thể IgG kháng Clonorchis trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	200
298	Xét nghiệm Hbe Ag&Ab	Hoá chất xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) để xác định kháng thể và kháng nguyên "e" của virus viêm gan B trong huyết tương và huyết thanh người.	Test	96 test/hộp	200
299	Xét nghiệm HCV Ab	Hoá chất xét nghiệm miễn dịch enzym (ELISA) thế hệ 3 để phát hiện kháng thể virus viêm gan C trong huyết tương/huyết thanh bệnh nhân; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	200
300	Xét nghiệm HBs Ag	ELISA thế hệ thứ 4 cho phép chẩn đoán kháng nguyên bề mặt viêm gan B hoặc HBsAg trong huyết tương và huyết thanh của con người; Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	200
301	Xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng Helicobacter	Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính phát hiện các kháng thể IgG kháng Helicobacter pylori trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	1,344

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
302	Xét nghiệm định lượng kháng thể IgM kháng Helicobacter	Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính phát hiện các kháng thể IgM kháng Helicobacter pylori trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Test	96 test/hộp	1,344
303	Hóa chất loại bỏ yếu tố viên khớp dạng thấp IgM	được dùng để loại bỏ các yếu tố viêm khớp dạng thấp RF IgM trong huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tuỷ (CSF)	Lọ	20 ml/Lọ	14
304	Đầu col tiệt trùng 1100µl	Có thể tích hút tối đa 1100 µl, là đầu côn hút hóa chất và mẫu dành cho các máy xét nghiệm ELISA tự động hoàn toàn, có thể hút được các thể tích nhỏ nhất và không gây nhiễm chéo. Lớp trong đầu côn có phủ tinh điện giúp nhận biết mức chất lỏng. kết cấu bằng nhựa PP – Polypropylene, chiều dài 97.0 mm, Đồng tâm: ≤ 1.5, Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Tip	960 tip/Hộp	9,600
305	Đầu col tiệt trùng 300µl	Có thể tích hút tối đa 300 µl, là đầu côn hút hóa chất và mẫu dành cho các máy xét nghiệm ELISA tự động hoàn toàn, có thể hút được các thể tích nhỏ nhất và không gây nhiễm chéo. Lớp trong đầu côn có phủ tinh điện giúp nhận biết mức chất lỏng. kết cấu bằng nhựa PP – Polypropylene, chiều dài 55.0 mm, Đồng tâm: ≤ 1.5, Tiêu chuẩn: ISO, FDA/CE	Tip	960 tip/Hộp	9,600
	LÔ 20: HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỊNH DANH VÀ KHÁNG SINH ĐỒ TỰ ĐỘNG				
306	Khay định danh vi khuẩn gram dương'	Khay được ủ với huyền dịch vi khuẩn ở 34-36oC trong 18 hoặc 24 giờ Mỗi khay được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm theo gói hút ẩm silica gel. Khay có thể thực hiện định danh cho 3 chủng vi khuẩn Gram dương cùng một lúc.	Khay	Hộp/10 khay	500
307	Khay định danh vi khuẩn Gram âm	Khay được ủ với huyền dịch vi khuẩn ở 34-36oC trong 5 hoặc 18 giờ Mỗi khay được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm theo gói hút ẩm silica gel.	Khay	Hộp/10 khay	500
308	Khay kháng sinh đồ cho vi khuẩn Gram âm	Được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) Mỗi khay được nhỏ liều kháng sinh ở độ pha loãng thích hợp và được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm theo gói hút ẩm silica gel. Sử dụng phương pháp vi pha loãng để cung cấp kết quả nồng độ ức chế tối thiểu (MIC). Giá trị MIC thu được là giá trị MIC thực, không phải kết quả ngoại suy.	Khay	Hộp/10 khay	500

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
309	Khay kháng sinh đồ cho vi khuẩn Gram dương	Được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) Mỗi khay được nhỏ liều kháng sinh ở độ pha loãng thích hợp và được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm theo gói hút ẩm silica gel. sử dụng phương pháp vi pha loãng để cung cấp kết quả nồng độ ức chế tối thiểu (MIC). Giá trị MIC thu được là giá trị MIC thực, không phải kết quả ngoại suy.	Khay	Hộp/10 khay	500
310	Khay kháng sinh đồ cho vi khuẩn cho liên cầu Streptococcus	Được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) Mỗi khay được nhỏ liều kháng sinh ở độ pha loãng thích hợp và được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm theo gói hút ẩm silica gel. sử dụng phương pháp vi pha loãng để cung cấp kết quả nồng độ ức chế tối thiểu (MIC). Giá trị MIC thu được là giá trị MIC thực, không phải kết quả ngoại suy. - Khay kháng sinh đồ cho các loài Streptococcus	Khay	Hộp/10 khay	300
311	Khay kháng đồ cho vi nấm	Được sử dụng trong chẩn đoán in-vitro (IVD) Mỗi khay được nhỏ liều thuốc kháng nấm ở độ pha loãng thích hợp cùng với chất chỉ thị màu và được đóng gói riêng trong túi giấy bạc kèm theo gói hút ẩm silica gel Sử dụng phương pháp vi pha loãng để cung cấp kết quả nồng độ ức chế tối thiểu (MIC). Giá trị MIC thu được là giá trị MIC thực, không phải kết quả ngoại suy. Bảo quản: 15 -25°C, tránh ánh sáng mặt trời và các nguồn nhiệt trực tiếp	Khay	Hộp/10 khay	300
312	Dung dịch pha huyền phù vi khuẩn làm định danh/kháng sinh đồ	- Nước khử khoáng vô trùng	Ống	Hộp/100 ống x 5ml	30
313	Canh thang làm kháng sinh đồ vi khuẩn	- Môi trường canh thang Mueller Hinton có điều chỉnh cation và bổ sung đệm TES	Ống	Hộp/100 ống x 11ml	30
314	Canh thang làm kháng sinh đồ vi khuẩn	- Môi trường canh thang kháng sinh đồ Mueller Hinton có điều chỉnh cation và bổ sung đệm TES (CAMHBT)	Ống	Hộp/100 ống x 5ml	30
315	Canh thang làm kháng sinh đồ vi khuẩn Streptococus	- Môi trường canh thang Mueller Hinton đã điều chỉnh cation có bổ sung máu ngựa đã ly giải để đọc trên máy tự động - Đóng gói: Hộp/10 ống x 11ml	Ống	Hộp/10 ống x 11ml	30
316	Canh thang làm kháng sinh đồ nấm	- Môi trường canh thang thực hiện kháng nấm đồ	Ống	Hộp/10 ống x 11ml	50

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
317	Môi trường canh thang cho nuôi cấy vi khuẩn	- Môi trường canh thang HTM dùng cho kháng sinh đồ Haemophillus influenzae	Ống	Hộp/10 ống x 11ml	50
318	Đầu phân phối huyền dịch	`- Đầu định lượng dùng để tự động cấy huyền dịch vào khay định danh/kháng sinh đồ	Hộp	Hộp/100 cái	50
319	Ống độ đục chuẩn	`- Ống nhựa chứa các thành phần giả lập đạt độ đục tiêu chuẩn 'Môi trường nuôi cấy' - Bảo quản: nhiệt độ phòng	Hộp	Hộp/ 1 cái	10
	LÔ 21: HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỊNH DANH VÀ KHÁNG SINH ĐỒ TỰ ĐỘNG				
320	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	- Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Có 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Quinolone, Cyclic peptide, Tetracyclinee, Glycylcycline, Folate Antagonist. - Phát hiện các vi khuẩn sinh men carbapenemase (CPO): Enterobacteriaceae, Acinetobacter và Pseudomonas trong vòng 6 -11 giờ. - Có kháng sinh Ceftazidime/Avibactam - Bảo quản ở 15 - 25°C.	Hộp	25 panel/hộp	200
321	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương	- Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Có 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Macrolide Lincosmide, Quinolone, Tetracyclinee, Fusidane, Oxazolidinone, Nitrofuran, Glycopeptide, Macrolides Lincosmides Streptogramins, Folate Antagonist. - Bảo quản ở 15 - 25°C.	Hộp	25 panel/hộp	80
322	Thẻ định danh và kháng sinh đồ liên cầu khuẩn	- Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loài vi khuẩn Streptococcus - Có 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Phenicol, Macrolide Lincosamide, Quinolone, Oxazolidinone, Glycopeptide, Tetracyclinee, Folate Antagonist - Bảo quản ở 15 - 25°C.	Hộp	25 panel/hộp	10

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
323	Thẻ định danh nấm men	- Dùng để định danh nhanh hầu hết các loại nấm men và các vi sinh vật giống nấm men. - Panel bao gồm 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang. - Bảo quản ở 15 - 25°C.	Hộp	25 panel/hộp	40
324	Canh trường dùng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn và vi nấm	- Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn và vi nấm trong xét nghiệm định danh và xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương và vi nấm - Thành phần (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): 7.5g Potassium chloride, 0.5g Calcium chloride, 0.895g Tricine glycine, Polysorbate 80 0.025% - Bảo quản ở 2 - 25°C.	Hộp	4.5mL/ống x 100 ống/hộp	100
325	Canh trường dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn	- Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương. - Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): 22g Canh trường Mueller Hinton, Polysorbate 80 0.01%. - Bảo quản ở 2 - 25°C.	Hộp	8 mL/ống x 100 ống/hộp	120
326	Chất chỉ thị dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn	- Được sử dụng để phát hiện sự trao đổi chất của vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương. - Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): Redox indicator <3g, Redox stabilizers < 20g - Bảo quản ở 2 - 8°C.	Lọ	6mL/lọ x 10 lọ/hộp	30
327	Canh trường dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus	- Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus - Thành phần (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): Casein của Pancreatic Digest, Peptones và Supplement: 29.2g ; Thymidine Phosphorylase 100 IU, Polysorbate 80: 0.1g - Bảo quản ở 2 - 25°C.	Ống	8 mL/ ống x 100 ống/hộp	200
328	Chất chỉ thị dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus	-Được sử dụng để phát hiện sự trao đổi chất của vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus - Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): Redox indicator < 1.5g, Redox stabilizers < 20g - Bảo quản ở 2 - 8°C.	Lọ	6mL/lọ x 10 lọ/hộp	10
	HOÁ CHẤT, SINH PHẨM XÉT NGHIỆM KHÔNG THEO MÁY				
329	Sabouraud Dextrose Agar có Chloramphenicol (SAB Cl 90mm)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Công dụng: Môi trường nuôi cấy chọn lọc vi nấm. Áp dụng phân lập vi nấm từ các bệnh phẩm.	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	350

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
330	Mueller Hinton Agar (MHA 120mm)	Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh hoặc bằng que MIC trên vi khuẩn dễ mọc. Đĩa thạch vuông có kích thước 120 × 120mm thực hiện kháng sinh đồ cho 16 đĩa kháng sinh hoặc 4 que MIC	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	4,000
331	Gram	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene); Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Thành phần gồm 04 loại dung dịch là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranine.	Bộ	Bộ/ 4 chai 100ml	30
332	Carbon Fuchsin	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Dung dịch thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen	Chai	Chai/ 500ml	100
333	Methylen blue	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Công dụng: Dung dịch thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen	Chai	Chai/ 500ml	50
334	Alcohol acid	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Công dụng: Dung dịch thành phần của thuốc nhuộm Gram và Ziehl Neelsen	Chai	Chai/ 500ml	200
335	Huyết tương thỏ khô	Dùng thực hiện thử nghiệm coagulase để phân biệt Staphylococcus aureus với Coagulase negative staphylococcus	Lọ	Hộp/ 10 lọ	200
336	Chai cấy máu hai pha (H)	Chai cấy máu hai pha được cấu tạo với chai bằng nhựa PS (polystyrene) có dung tích 125mL với kích thước 120 × 60 × 40mm, được dùng để thực hiện xét nghiệm cấy máu tìm tác nhân gây nhiễm khuẩn huyết. Chai có vách ngăn thành hai pha, pha đặc có thành phần là môi trường là BHI agar và pha lỏng BHI broth và SPS.	Chai	Bịch/ 48 chai	1,500
337	Đĩa giấy kháng sinh các loại	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su), phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Đĩa kháng sinh được dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ theo phương pháp khuếch tán kháng sinh trong thạch. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh và dựa vào đường kính vòng vô khuẩn để biện luận vi khuẩn đề kháng, trung gian, nhạy cảm theo tiêu chuẩn CLSI hoặc EUCAST.	Lọ	Lọ/ 50 đĩa	800
338	Bộ định danh IVD NK-IDS 14GNR (H)	Hệ thống gồm 14 thử nghiệm sinh hóa dùng để thực hiện định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc (Enterobacteriaceae, non Enterobacteriaceae, Vibrio). Thực hiện thử nghiệm sinh hóa bằng bộ định danh IDS 14 GNR. Dựa trên kết quả thử nghiệm sinh hóa để xác định điểm số, tra cứu điểm số vào hệ thống mã số để định danh vi khuẩn.	Bộ	Bộ/ 20 mẫu	50
339	Môi trường di động	Lọ thủy tinh nắp vặn. Phát hiện khả năng di động của vi khuẩn.	Lọ	Hộp/ 10 lọ	50
340	Đĩa giấy Oxidase	Đĩa giấy sinh hóa được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su), phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm thực hiện thử nghiệm Oxidase.	Lọ	Lọ/ 20 đĩa	50

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
341	Đĩa giấy Optochin (P)	Đĩa giấy sinh hóa được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su), phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Dùng để thực hiện thử nghiệm nhạy cảm Optochin để phân biệt S. pneumoniae với Viridans streptococcus.	Lọ	Lọ/ 20 đĩa	2
342	Đĩa giấy Bacitracin (A)	Đĩa giấy sinh hóa được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su), phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Dùng để thực hiện thử nghiệm nhạy cảm Bacitracin để phân biệt S. pyogenes (Group A) với S. agalactiae (Group B).	Lọ	Lọ/ 20 đĩa	2
343	Thạch MSA	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường chọn lọc sử dụng để phân lập Staphylococci từ mẫu bệnh phẩm, sữa, thịt và thực phẩm. Đĩa 90mm	Đĩa	Hộp 10 đĩa	1,000
344	Chocolate MultiVitox + Bacitracin	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy và phân lập các loài Haemophilus trong mẫu bệnh phẩm từ đường hô hấp. Đĩa 90mm.	Hộp	Hộp 10 đĩa	500
345	Chromagar 90mm	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Đĩa 90mm.	Hộp	Hộp 10 đĩa	250
346	Thạch máu (BA 90mm)	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	Hộp	Hộp 10 đĩa	400
347	BHI Broth	Ống nhựa 10ml trong suốt có nút xoáy vặn chặt chứa 5ml môi trường lỏng dinh dưỡng cao dùng để nuôi cấy các loại vi sinh vật kể cả vi sinh vật khó tính.	Hộp	Hộp 10 ống	100
348	Bile Esculin Agar	Ống nhựa 10ml trong suốt có nút xoáy vặn chặt chứa 4ml môi trường thạch dùng để nuôi cấy và phát hiện vi khuẩn Enterococcus.	Hộp	Hộp 10 ống	3
349	MacConkey Agar	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Đĩa 90mm	Hộp	Hộp 10 đĩa	400
350	Sabouraud Dextrose Agar	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường có pH thấp thường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men. Đĩa 90mm	Hộp	Hộp 10 đĩa	20
351	BHI Broth + 15% Glycerol	Ống nhựa 5ml trong suốt có nút xoáy vặn chặt chứa 3ml môi trường lỏng dùng để bảo quản vi sinh vật	Hộp	Hộp 10 ống	50
352	Nước muối sinh lý 0.85%	Ống nhựa 10ml trong suốt có nút xoáy vặn chặt chứa 5ml nước muối sinh lý Thành phần: Sodium chloride	Hộp	Hộp 10 ống	250

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
353	SS Agar	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để phân lập một số Shigella và Salmonella từ các mẫu bệnh phẩm. Đĩa 90mm.	Hộp	Hộp 10 đĩa	2
354	Môi trường vận chuyển vi khuẩn Todd Hewitt Broth + antibiotic	MELAB Todd Hewitt Broth + antibiotic	Hộp	Hộp/10 ống	50
355	Chromogenic Strepto B /tương đương	MELAB Chromogenic Strepto B	Hộp	Hộp/10 đĩa	50
356	Ống lưu trữ chủng vi sinh có hạt cryobank	Ống lưu trữ chủng vi sinh. Chứa các hạt lưu trú và có môi trường pha sẵn	Hộp	80 ống/hộp	5
357	Bộ phát hiện vi khuẩn H. Pylori	Bộ phát hiện vi khuẩn H. Pylori	Test		10,000
358	Test nhanh HBs (HBsAg)	- Định tính kháng nguyên HBs trong huyết thanh hoặc huyết tương người - Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế	Test	25 test/ Hộp	7,000
359	Test nhanh phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người.Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	test	Hộp 100 test	5,000
360	Test Khẳng định HIV Determine 1/2 (Sinh phẩm 1)	Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương , Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485- 2012. Sản xuất tại nước thuộc G7.	test	Túi 100 test	10,000
361	Test khẳng định HIV (Sinh phẩm 2 - SD HIV 1/2 3.0) Test nhanh Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BYT hiện hành. Không có phản ứng chéo với các mẫu thẩm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. Kít thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm. Độ nhạy 100% và độ đặc hiệu 99.8% Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, WHO	test	Hộp 100 test	500
362	Test Khẳng định HIV (Sinh phẩm 3) (Rapid Anti-hiv (1&2) test) Kit thử nhanh phát hiện HIV 1&2 (Ab) là một xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng thể kháng HIV 1&2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tượng	Kit thử sử dụng để định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người nhằm mục đích chẩn đoán lây nhiễm HIV Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BYT hiện hành. Độ nhạy: 99.47%, Độ đặc hiệu: 99.87%, độ chính xác: 99.76%	test	Hộp 40 test	500

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
363	Test nhanh phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Các mẫu có ly giải máu, các mẫu có chứa yếu tố thấp khớp, mỡ máu, chứng hoàng đản không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	test	Hộp 25 test	10,000
364	Test nhanh phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Hạn dùng 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Các mẫu có ly giải máu, các mẫu có chứa yếu tố thấp khớp, mỡ máu, chứng hoàng đản không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	test	Hộp 25 test	7,000
365	Test nhanh Dengue IgG/IgM	Phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4. Sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	test	Hộp 25 test	4,000
366	Test nhanh Dengue IgG/IgM	Phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4. Sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE/FDA	test	Hộp 25 test	1,000
367	Test H. pylori trong mẫu máu	Phát hiện kháng thể kháng H.pylori /máu . Test dạng cassette ,thực hiện trên mẫu huyết tương hoặc huyết thanh.Cung cấp kèm que hút mẫu. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	test	Hộp 25 test	2,000
368	Test H. pylori trong mẫu máu	Phát hiện kháng thể kháng H.pylori /máu . Test dạng cassette ,thực hiện trên mẫu huyết tương hoặc huyết thanh.Cung cấp kèm que hút mẫu. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	test	Hộp 25 test	1,000
369	Định tính kháng thể kháng giang mai trong huyết thanh hay huyết tương người	Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh huyết tương , Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Sản xuất tại nước thuộc G7.	test	Túi 100 test	2,000
370	Test nhanh phát hiện định tính hemoglobin máu trong mẫu phân người	Phát hiện định tính hemoglobin máu trong mẫu phân người. Không phản ứng chéo với mẫu máu động vật, Vitamin C và Sucrose.	test	Hộp 50 test	3,000
371	Test nhanh xét nghiệm HAV IgM	Test dạng cassette,thực hiện trên mẫu huyết tương hoặc huyết thanh. Phát hiện kháng thể HAV IgM Tiêu chuẩn CE.Cung cấp kèm que hút mẫu.	Test	Hộp 25 test	200

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
372	Test nhanh xét nghiệm HEV IgG/IgM	Test dạng cassette,thực hiện trên mẫu huyết tương hoặc huyết thanh. Phát hiện kháng thể HEV IgG/IgM Tiêu chuẩn CE.Cung cấp kèm que hút mẫu.	Test	Hộp 25 test	200
373	Test nhanh xét nghiệm Influenza A-B	Influenza A+B Rapid Test cassette	Test	Hộp 20 test	200
374	Test nhanh Covid	- Định tính kháng nguyên SARS-CoV-2 trong mẫu tăm bông tỵ hầu. - Dạng: khay nhựa. Bao gồm Khay thử, đệm chiết, đầu lọc nhỏ giọt,que tăm bông lấy mẫu tỵ hầu. - Đọc kết quả sau 15-20 phút - Hạn dùng 24 tháng. - Phân loại TTBYT : Loại C - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Nằm trong danh mục khuyến cáo sử dụng của Bộ Y tế	Test	25 test/ Hộp	1,000
375	Test nhanh Covid	- Định tính kháng nguyên SARS-CoV-2 trong mẫu tăm bông tỵ hầu. - Dạng: khay nhựa. Bao gồm Khay thử, đệm chiết, đầu lọc nhỏ giọt,que tăm bông lấy mẫu tỵ hầu. - Đọc kết quả sau 15-20 phút - Hạn dùng 24 tháng. - Phân loại TTBYT : Loại C - Đạt tiêu chuẩn CFS - Nằm trong danh mục khuyến cáo sử dụng của Bộ Y tế	Test	25 test/ Hộp	1,000
376	Phát hiện định tính, phân biệt kháng nguyên của loài P.falciparum và Plasmodium	- Phát hiện định tính, phân biệt kháng nguyên của loài P.falciparum và Plasmodium khác (histidine-rich protein II (HRP-II) và Plasmodium lactate dehydrogenase (pLDH)) trong máu toàn phần của người - Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	25 test/ Hộp	100
377	Phát hiện định tính, phân biệt kháng nguyên của loài P.falciparum và Plasmodium	- Phát hiện định tính, phân biệt kháng nguyên của loài P.falciparum và Plasmodium khác (histidine-rich protein II (HRP-II) và Plasmodium lactate dehydrogenase (pLDH)) trong máu toàn phần của người - Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế - Đạt tiêu chuẩn CE	Test	25 test/ Hộp	100
378	Định tính kháng nguyên Rotavirus trong phân người.	- Định tính kháng nguyên Rotavirus trong phân người. - Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	25 test/ Hộp	100
379	Định tính kháng nguyên Rotavirus trong phân người.	- Định tính kháng nguyên Rotavirus trong phân người. - Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế - Đạt tiêu chuẩn CE	Test	25 test/ Hộp	100

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
380	Định tính vi rút hợp bào (RSV) trong các dịch mũi họng.	Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong dịch mũi họng; Bảo quản ở 1-30°C. Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C.Không có phản ứng chéo với Escherichia coli, Enterococcus faecalis, Poliovirus, Adenovirus.	Test	25 test/ Hộp	200
381	Định tính chủng Adenovirus trong các mẫu mũi họng, mẫu dịch hút và mẫu phân.	- Định tính chủng Adenovirus trong các mẫu mũi họng, mẫu dịch hút và mẫu phân. - Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 -Quy cách: hộp que thử, 1 lọ dung dịch chiết mẫu, tăm bông lấy mẫu, ống chiết mẫu, ống nhỏ giọt dùng 1 lần.	Test	25 test/ Hộp	200
382	Chương trình Ngoại kiểm Huyết Học	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm.Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/3 x 2 ml	4
383	Chương trình Ngoại kiểm Sinh Hóa	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/6 x 5 ml	3
384	Chương trình Ngoại kiểm Miễn Dịch	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng trên 48 thông số bao gồm cả thuốc trị liệu, hormones và dấu ấn ung thư hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/6 x 5 ml	3
385	Chương trình Ngoại kiểm HbA1c	Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thông số hoặc tương đương. Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm.Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Bảo quản 2-8 oC	Hộp	Hộp/6 x 0.5 ml	3
386	Chương trình Ngoại kiểm Niệu	Chương trình ngoại kiểm Niệu đáp ứng 14 thông số tổng phân tích nước tiểu hoặc tương đương. Thành phần yêu cầu 100% nước tiểu người. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/3 x 12 ml	3
387	Chương trình Ngoại kiểm Đông Máu	Chương trình ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn	Hộp	Hộp/6 x 1 ml	3

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
388	Chương trình Ngoại kiểm Khí Máu	Chương trình ngoại kiểm Khí máu đáp ứng 11 thông số khí máu, Glucose và Điện giải hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/6 x 1.8 ml	3
389	Chương trình Ngoại kiểm Sàng Lọc Trước Sinh	Chương trình ngoại kiểm Sàng lọc trước sinh, đáp ứng 6 thông số hoặc tương đương. Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/6 x 1 ml	3
390	Chương trình Ngoại kiểm Tim Mạch	Chương trình ngoại kiểm Tim mạch đáp ứng 11 thông số dấu ấn tim mạch hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/6 x 3 ml	3
391	Chương trình Ngoại kiểm Ammonia/ Ethanol	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethanol đáp ứng 2 thông số Ammonia và Ethanol. Có chu kỳ bắt đầu tháng 9 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/6 x 2 ml	3
392	Chương trình Ngoại kiểm Miễn Dịch Đặc Biệt I	Chương trình miễn dịch đặc biệt 1 đáp ứng 10 thông số hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/6 x 2 ml	3
393	Chương trình Ngoại kiểm Sinh hóa Nước tiểu	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa nước tiểu đáp ứng 25 thông số hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/12 x 10ml	3
394	Chương trình Ngoại kiểm Cyfra 21-1	Chương trình ngoại kiểm Cyfra đáp ứng thông số Cyfra 21-1 (Cytokeratin 19) hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/6 x 1ml	3
395	Chương trình Ngoại kiểm Protein Đặc Hiệu hàng tháng	Chương trình ngoại kiểm Protein đặc hiệu đáp ứng 26 thông số hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 3 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/6 x 1 ml	3
396	Chương trình ngoại kiểm Tốc độ máu lắng	Chương trình ngoại kiểm tốc độ máu lắng. Gồm 1 thông số ESR. Có chu kỳ bắt đầu tháng 3 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp	Hộp/2 x 4.5 ml	5
397	Nội kiểm Sinh hóa mức 2	Dạng đông khô dễ bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng trên 65 thông số bao gồm D-3-Hydroxybutyrate, Folate hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/20 x 5 ml	6

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
398	Nội kiểm Sinh hóa mức 3	Dạng đông khô dễ bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng trên 65 thông số bao gồm D-3-Hydroxybutyrate, Folate hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/20 x 5 ml	6
399	Nội kiểm Miễn Dịch Plus 3 mức nồng độ	Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người, không bao gồm thành phần động vật. Đáp ứng trên 50 các thông số Miễn dịch thường quy và các thông số miễn dịch đặc biệt CA125, CA199, CA153. Dễ dàng bảo quản ở 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8oC hoặc 28 ngày ở -20oC hoặc tương đương.	Hộp	Hộp 12 x 5 ml	18
400	Nội kiểm Sàng lọc trước sinh mức 1	Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng đủ 06 thông số bao gồm Inhibin A. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày ở 2-8oC hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/3 x 1 ml	9
401	Nội kiểm Sàng lọc trước sinh mức 2	Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng đủ 06 thông số bao gồm Inhibin A. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày ở 2-8oC hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/3 x 1 ml	9
402	Nội kiểm Sàng lọc trước sinh mức 3	Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng đủ 06 thông số bao gồm Inhibin A. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày ở 2-8oC hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/3 x 1 ml	9
403	Nội kiểm Protein đặc hiệu mức 2	Dạng lỏng dùng liền dễ dàng sử dụng và bảo quản ở 2-8oC. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 26 thông số. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày 2-8oC hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/3 x 1 ml	10
404	Nội kiểm Protein đặc hiệu mức 3	Dạng lỏng dùng liền dễ dàng sử dụng và bảo quản ở 2-8oC. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 26 thông số. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày 2-8oC hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/3 x 1 ml	10
405	Nội kiểm Sinh hóa nước tiểu mức 2	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 24 thông số. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 5 ngày ở 2-8oC hoặc 2 tuần ở -24oC hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/12 x 10 ml	3
406	Nội kiểm Sinh hóa nước tiểu mức 3	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 24 thông số. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 5 ngày ở 2-8oC hoặc 2 tuần ở -24oC hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/12 x 10 ml	3
407	Nội kiểm khí máu mức 1	Đáp ứng 10 thông số khí máu và ion đồ, bao gồm Bicarbonate. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 1 phút cho khí máu và 1 giờ cho ion đồ hoặc tương đương	Hộp	Hộp/30 x 1.8 ml	13
408	Nội kiểm khí máu mức 2	Đáp ứng 10 thông số khí máu và ion đồ, bao gồm Bicarbonate. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 1 phút cho khí máu và 1 giờ cho ion đồ hoặc tương đương	Hộp	Hộp/30 x 1.8 ml	13
409	Nội kiểm khí máu mức 3	Đáp ứng 10 thông số khí máu và ion đồ, bao gồm Bicarbonate. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 1 phút cho khí máu và 1 giờ cho ion đồ hoặc tương đương	Hộp	Hộp/30 x 1.8 ml	13

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
410	Nội kiểm đông máu mức 1	Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 16 thông số bao gồm các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII . Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp lên tới 24 giờ 2-8oC hoặc tương đương	Hộp	Hộp/12 x 1 ml	40
411	Nội kiểm đông máu mức 2	Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 16 thông số bao gồm các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII . Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp lên tới 24 giờ 2-8oC hoặc tương đương	Hộp	Hộp/12 x 1 ml	40
412	Nội kiểm đông máu mức 3	Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 16 thông số bao gồm các yếu tố đông máu II, V, VII, IX, X, XI, XII . Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp lên tới 24 giờ 2-8oC hoặc tương đương	Hộp	Hộp/12 x 1 ml	40
413	Nội kiểm HbA1c mức 1, 2	Dạng đông khô. 100% máu toàn phần từ người. Đáp ứng 2 thông số. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 28 ngày 2-8oC hoặc tương đương	Hộp	Hộp/4 x 0.5 ml	15
414	Nội kiểm Ethanol/ Ammonia mức 1	Dạng lỏng dùng ngay. Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày ở 2 - 8 độ C hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/6 x 2 ml	15
415	Nội kiểm Ethanol/ Ammonia mức 2	Dạng lỏng dùng ngay. Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày ở 2 - 8 độ C hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/6 x 2 ml	15
416	Nội kiểm Ethanol/ Ammonia mức 3	Dạng lỏng dùng ngay. Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày ở 2 - 8 độ C hoặc tương đương.	Hộp	Hộp/6 x 2 ml	15
417	Calib Sinh hóa mức 3	Dạng đông khô. Bảo quản 2-8oC. Đáp ứng 42 thông số hoặc tương đương. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC	Hộp	Hộp/20 x 5 ml	3
418	Nội kiểm huyết học 3 mức nồng độ	Nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần, 3 mức Thấp - Trung - Cao	Bộ	Bộ/3x3ml	50
419	Chất xử lý tế bào Clear rite 3	- Là hỗn hợp Hydrocarbon béo và Isoparafinic để xử lý mô và nhuộm mô - Loại bỏ chất béo tuyệt đối trong xử lý mô - Giúp cho quá trình khử parafin được hoàn thiện và lam nhuộm trong suốt - Không làm cho mẫu bị khô cứng khi phơi nhiễm kéo dài - Sử dụng được cho tất cả các máy xử lý mô và máy nhuộm tự động	Bình	Thùng/ 4x3,8 lít	80
420	Chất nhuộm tế bào Eosin Y	- Thành phần: Ethyl alohol, Nước, Methyl alcohol, Isopropyl alcohol, Acetic acid, Eosin-Y Dye - Bắt màu nhanh, phân định thành phần tế bào rõ nét, không lẫn lộn màu tế bào nhân và tế bào chất	Chai	Thùng/ 4x473ml	30

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
421	Chất gắn, cố định tế bào Formalin	- Thành phần: Nước, Formaldehyde, Methyl alcohol, Sodium phosphate dibasic, Sodium phosphate, monobasic - pH ổn định 6.8-7.2 - Chất lượng được kiểm soát nghiêm ngặt đảm bảo nồng độ formalin luôn là10% - Ổn định ở nhiệt đông lạnh	Lít	Thùng/ 5x4 lít	450
422	Chất nhuộm tế bào Hematoxylin	Thành phần: Nước, Ethylene glycol, Aluminum sulfate dodecahydrate, Acetic acid, Hematoxxylin, Sodium iodate Lam nhuộm sắc nét, nhiễm sắc thể vùng nhân được phân định rõ ràng	Chai	Thùng/ 4x473ml	30
423	Chất nhuộm tế bào OG-6	- Thành phần: Ethyl alcohol, Nước, Isopropyl acohol, Methyl alcohol, Orange-G Certified, Phosphotungstic acid - Nhuộm keratin trong tế bào, màu nhuộm sáng, bắt màu nhanh - Sử dụng chất nhuộm OG với EA-36 hoặc EA-50 khi nhuộm bệnh phẩm phụ khoa - Sử dụng nhuộm OG với EA-65 để nhuộm các bệnh phẩm ngoài phụ khoa	Chai	Thùng/ 4x473ml	30
424	Chất nhuộm tế bào EA-50	- Thành phần: Ethyl alcohol, Nước, Isopropyl alcohol, Methyl alcohol, Eosin-Y Dye, Phosphotungstic acid, Fast green fcf, Bismarck Brown Y Màu nhuộm bào tương sáng, có thể điều chỉnh cường độ màu	Chai	Thùng/ 4x473ml	30
425	Chất gắn, cố định tế bào Parafin - Parafin Type 6	- Thành phần: Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes, Microcrystalline wax, 2,6-Di-tert-butyl-p-cresol - Nhiệt độ nóng chảy ổn định: 55-57oC - Sáp tinh khiết không chứa polymer, sử dụng cho xử lý mô và đúc khối	Kg	Thùng/ 10x0,9kg	500
426	Dung dịch lọc thận A	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H2O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H2O: 45.75g • Acid acetic băng: 81.00g • Glucose H2O : 494.99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Can	Can 10 lít	8,000

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
427	Dung dịch lọc thận B	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H2O: 0.5 g • pH : 7.3 - 8.6 • Al ≤ 0.1 mg/ml trên chế phẩm chưa pha loãng • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485, CE	Can	Can 10 lít	12,000
428	Dung dịch lọc thận A	Mỗi 10l dung dịch: NaHCO3 840,0 g; Dinatri edetat.2H2O 0,5 g Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485	Can	Thùng 1 can 10 lít	1,600
429	Dung dịch lọc thận B	Mỗi 10l dung dịch: NaCl 2708,69 g; KCl 67,10 g; CaCl2.2H2O 99,24 g; MgCl2.6H2O 45,75 g; Acid acetic băng 81 g; Glucose.H2O 494,99 g Tiêu chuẩn chất lượng:ISO 13485	Can	Thùng 1 can 10 lít	2,400
430	Que thử tồn dư peroxide	Thử nồng độ của peroxide còn tồn dư trong đường dịch thẩm phân hoặc quả lọc sau khi khử khuẩn bằng các chất khử khuẩn axits paracetic hoặc peroxide	Lọ	100 que	10
431	Que thử nồng độ axid peracetic	Thử nồng độ của axit peracetic trong dung dịch sát khuẩn quả lọc - < 400 ppm: FAIL - > 800 ppm: PASS	Lọ	100 que	10
432	Que thử nồng độ chlorine HiSENSE ULTRA 0.1	- Độ nhạy 0, 0.1, 0.5, 3 ppm Phù hợp để kiểm tra tồn dư chlorine trong nước rửa	Lọ	100 que	10
433	Quick Test DOA Multi 4 Drug (MOP - AMP - MET - THC)	Test phát hiện 5 chất gây nghiện: . Amphetamin (AMP), Marijuana (THC). Morphine (MOP), Methamphetamines (MET)	Test	Hộp 20 test	4,000
434	Quick Test DOA Multi 5 Drug (MOP - AMP - MET - THC- MDMA)	Test phát hiện 5 chất gây nghiện: . Amphetamin (AMP), Marijuana (THC). Morphine (MOP), Methamphetamines (MET),Methylenedioxymethaphetamine (MDMA). Kích thước 4 x 3.5mm. Độ nhạy 99,98 %	Test	Hộp 20 test	6,000
435	Test nhanh MDMA	Phát hiện chất gây nghiện MDMA trong nước tiểu	Test	Hộp 50 test	2,500
436	Test nhanh MORPHIN	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Morphin trong nước tiểu.	Test	Hộp 50 test	2,000
437	Card định nhóm máu ABO/Rh gắn sẵn huyết thanh mẫu	Thẻ định nhóm máu đầu giường trước truyền máu Thành phần: - Anti-A - Anti-B - Anti-D	Thẻ	Hộp / 50 thẻ Thẻ / 2 test	10,000

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
438	Anti A	Dung dịch định nhóm máu hệ ABO, tế bào hồng cầu có kháng nguyên.	Lọ		50
439	Anti B	Dung dịch định nhóm máu hệ ABO, tế bào hồng cầu có kháng nguyên.	Lọ		50
440	Anti AB	Dung dịch định nhóm máu hệ ABO, tế bào hồng cầu có kháng nguyên.	Lọ		50
441	Anti D	Dung dịch định nhóm máu hệ ABO, tế bào hồng cầu có kháng nguyên.	Lọ		50
442	AHG	Phát hiện kháng thể IgG	Lọ		20
443	Giem sa	Dùng cho kỹ thuật nhuộm Giemsa	Lọ		100
444	Gel siêu âm	Dùng cho kỹ thuật siêu âm	Bình		500
445	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn tiệt khuẩn tan trong nước	Tube	Hộp/ 12 tube 82g Thùng/ 6 hộp	2,500
446	Ống đo VS	Dụng cụ chứa mẫu máu dùng cho máy xét nghiệm lắng máu IRIA, LENA, THERMA, ERILINE. Đo tốc độ máu lắng bằng tia hồng ngoại cho kết quả trong vòng 24 giờ.	Ống	Thùng 600 ống	3,000
447	Bộ dung dịch xét nghiệm tế bào cổ tử cung, âm đạo kỹ thuật Liqui-PREP® Special Cytology Processing Kit	- Bộ dung dịch thương hiệu Liqui-PREP® được ứng dụng theo kỹ thuật Liqui-Based Cytology (LBC) thế hệ thứ hai. Sản phẩm được phát triển dựa trên những tiến bộ của ngành hóa học tiên tiến. - Liqui-PREP® được thiết kế tạo ra các lam có chứa hình thái tế bào học chất lượng cao dùng cho Bác sĩ Giải Phẫu Bệnh phân tích tế bào học, có độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chẩn đoán chính xác cao hơn. - Kỹ thuật này bao gồm ba thành phần cơ bản: chất bảo quản tế bào, chất làm sạch mẫu tế bào, chất kết nang tế bào lên lam kính và ống ly tâm + chổi thu tế bào. - Tính năng kỹ thuật ly giải các tạp chất, làm sạch tế bào, giúp cho Bác sĩ Giải Phẫu bệnh quan sát rõ hơn và chẩn đoán chính xác cao hơn trong xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, CE, ISO 13485	Bộ	300 Bộ/ 2 carton	1,000

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
448	Bộ kit Pap Nhúng dịch	- Công nghệ: hệ thống tự động, quản lý mẫu tự động với công nghệ filtration, màng lọc được sử dụng cơ chế khí nén, đảo trộn dung dịch thu thập và chuyển lên lam kính với chương trình xử lý ADVANCE/GYN+B: dùng tối ưu hoá cho các mẫu phụ khoa có chứa đầu chổi lấy mẫu trong lọ. '- Bộ kit gồm các thành phần: '1. Dung dịch bảo quản tế bào: - Chứa 20 ml dung dịch bảo quản tế bào có thành phần chính là methanol - Tế bào được bảo quản trong dung dịch đến 4 tuần ở nhiệt độ phòng - Quy cách: 10 lọ/hộp. 2. Chổi lấy mẫu tế bào phụ khoa: - Được làm từ nhựa PE được thiết kế mềm mại và linh hoạt để giảm thiểu tổn thương cổ tử cung, đầu chổi của que được thiết kế để có thể tháo rời dễ dàng cho vào lọ bằng 1 ống trong suốt. Qui cách: 100 cái/ hộp. 3. Bộ lọc: được thiết kế đặt biệt để phân tán tế bào lên thành một lớp mỏng chỉ với 1-2 lớp với đường kính 20mm, chứa khoản 50,000 Milipore (lỗ) với đường kính mỗi lỗ khoản 7-8 micron. Qui cách: khay 100 cái. 4. Lam kính: Lam tế bào được phủ bởi 1 lớp electron tĩnh điện để chống lại sự kết dính các tế bào lại với nhau trên lam kính. Qui cách: hộp 50 lam. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, CE, ISO 13485	Bộ	100 cái/ gói	2000
449	Đầu lọc dung dịch tiệt trùng 10 uL	- Đầu côn tiệt trùng có đầu lọc loại 10 uL - Vật liệu: polypropylen và chống bám dính cao - Tiệt trùng, chứng nhận không chứa Rnase, Dnase, DNA, chất ức chế PCR và pyrogens	Tip	960 tip/hộp	96,000
450	Đầu lọc dung dịch tiệt trùng 200 uL	- Đầu côn tiệt trùng có đầu lọc loại 200 uL - Vật liệu: polypropylen và chống bám dính cao - Tiệt trùng, chứng nhận không chứa Rnase, Dnase, DNA, chất ức chế PCR và pyrogens	Tip	960 tip/hộp	96,000
451	Đầu lọc dung dịch tiệt trùng 1ml	- Đầu côn tiệt trùng có đầu lọc loại 1000 uL - Vật liệu: polypropylen và chống bám dính cao - Tiệt trùng, chứng nhận không chứa Rnase, Dnase, DNA, chất ức chế PCR và pyrogens	Tip	960 tip/hộp	96,000
452	Tuýp ly tâm PCR nắp phẳng 0.2ml, trong suốt	- Tuýp ly tâm PCR nắp phẳng 0.2ml, trong suốt - Chứng nhận không chứa Rnase, Dnase, DNA, chất ức chế PCR	Cái	Gói/ 1000 cái	2000
453	Bộ kit xử ký mẫu đờm	Dùng xử lý mẫu ở dạng dịch đặc như đàm, mủ khi định tính Mycobacterium tuberculosis bằng kỹ thuật real-time PCR. Hỗ trợ đồng nhất và xử lý mẫu trước khi tách chiết mẫu bệnh phẩm.	Test	Hộp 50 test	4,000

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn hàng hoá/ Tính năng kỹ thuật	ĐVT	Quy cách đóng gói	Số lượng
454	Thẻ định danh cho nấm men và vi sinh tương tự	- Thẻ sử dụng công nghệ phản ứng enzyme để định danh - Thời gian cho kết quả định danh ≤ 4 giờ - Thao tác cấy đơn giản, không cần pipet huyền dịch vào từng giếng - Không sử dụng dầu khoáng - Có phần mềm hỗ trợ phiên giải kết quả - Thẻ chứa ≥18 cơ chất để định danh cho nhiều loài nấm men và vi sinh tương tự	Thẻ	Hộp/20 thẻ	500
455	Hóa chất thử phản ứng vi sinh vật Rap ID RaplD inoculation Fluid-2mL	- Dung dịch chuẩn bị huyền dịch phù hợp dùng trong định danh thủ công	Ống	Hộp/20 ống	500
456	Thẻ định danh cho vi khuẩn thuộc nhóm Neisseria, Haemophillus, Moraxella bằng phương pháp thủ công	- Thẻ sử dụng công nghệ phản ứng enzyme để định danh - Không sử dụng dầu khoáng - Thẻ chứa 13 cơ chất để định danh vi khuẩn thuộc nhóm Neisseria, Haemophillus, Moraxella	Thẻ	Hộp/20 thẻ	500
457	Dung dịch chuẩn bị huyền phù vi khuẩn 1ml	- Dung dịch dùng để chuẩn bị huyền phù vi khuẩn, dùng trong thẻ định danh vi khuẩn thủ công bằng công nghệ enzyme - Bảo quản: 20-25°C	Ống	Hộp/ 20 ống	500
458	Thuốc thử phản ứng Indole	- Thuốc thử dùng cho thử nghiệm Indole	Lọ	Lọ/15ml	20
459	Thuốc thử Nitrate A	- Thuốc thử dùng để phát hiện khả năng khử nitrate thành nitrite của vi khuẩn	Lọ	Lọ/15ml	20
460	Thuốc thử Nitrate B	- Thuốc thử dùng để phát hiện khả năng khử nitrate thành nitrite của vi khuẩn	Lọ	Lọ/15ml	20
461	Thuốc thử Oxidase	- Thuốc thử dùng để phát hiện enzyme cytochrome oxidase	Ống	Hộp/50 ống x 0.75ml	500
462	Dầu khoáng	Dầu khoáng dùng trong thử nghiệm định danh vi khuẩn	Lọ	Lọ/250ml	2

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Lê Văn Thịnh

1. Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Lê Văn Thịnh, chúng tôi…….*(ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất/ nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất / nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh)* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

STT	Danh mục thiết bị y tê yêu cầu báo giá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá bao gồm VAT (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1										
2										
3										
….										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng : 180 ngày kể từ ngày

3. Chúng tôi cam kết :

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, khong vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

……., ngày ….. tháng ….. năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất /nhà cung cấp

(ký tên, đóng dấu)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Lê Văn Thịnh

1. Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Lê Văn Thịnh, chúng tôi…….*(ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất/ nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất / nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh)* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

STT	STT (DM yêu cầu báo giá)	Danh mục thiết bị y tê yêu cầu báo giá	Tên thương mại sản phẩm	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá bao gồm VAT (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1													
2													
3													
….													

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng : 180 ngày kể từ ngày

3. Chúng tôi cam kết :

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, khong vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

……, ngày ….. tháng ….. năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất /nhà cung cấp

(ký tên, đóng dấu)